

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 385/TCTD – KHĐT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v công bố Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty
Dược Việt Nam - CTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: TÔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP.

Trụ sở: Số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02438443151 Fax: 02438443665

Người thực hiện công bố thông tin: Bà HÀN THỊ KHÁNH VINH

Địa chỉ: Số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02438443151

Fax: 02438443665

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Thông tin này cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại đường dẫn: www.vinapharm.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (thay b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

Người thực hiện công bố thông tin

TÔNG GIÁM ĐỐC



Hàn Thị Khánh Vinh

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (thay đổi lần
thứ 5) do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2016.
Mã số doanh nghiệp: 0100109385

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường Tầng 5, Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, số 12 Ngô Tất Tố, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Diễn biến Đại hội như sau:

A. PHẦN KHAI MẠC ĐẠI HỘI

Đại diện Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thực hiện nghi thức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:

1. Thành phần Khách mời:

Đại hội vinh dự được đón tiếp các vị khách quý:

1.1 Đại diện Bộ Y tế:

- Ông Vũ Tuấn Cường – Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế.

1.2. Đại diện Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

- Ông Lê Thanh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Việt Phương – Phó Trưởng Ban Đầu tư 3

- Ông Trần Đức Hùng – Phó Trưởng Ban Đầu tư 2

1.3. Đại diện Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- Ông Bùi Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc.

1.4. Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; Đại diện Ban Lãnh đạo các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

1.5. Các cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

2. Giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Huy Thanh - đại diện Ban Tổ chức Đại hội công bố Danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông, gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Khái, Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty : Trưởng ban
ty Dược Việt Nam – CTCP

2. Bà Phạm Thị Quỳnh – Chuyên viên Phòng KHCN Tổng : Thành viên
công ty Dược Việt Nam – CTCP

3. Bà Nguyễn Hồng Thúy – Chuyên viên Phòng TCKT : Thành viên

Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

3. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Văn Khải - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. Tại thời điểm khai mạc (8h15 ngày 30/6/2023), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty (có Biên bản kèm theo), cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 237.000.000 cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 237.000.000 phiếu biểu quyết.
- Số cổ phần phổ thông sở hữu và đại diện sở hữu tại thời điểm khai mạc Đại hội: 215.876.284 cổ phần (tương ứng 91.09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).
- Số phiếu biểu quyết tương ứng: 215.876.284 phiếu biểu quyết (tương ứng 91.09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).

4. Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

Ông Nguyễn Huy Thanh, đại diện Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu, gồm:

4.1. Đoàn Chủ tọa:

1. Ông Lê Văn Sơn, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, Chủ tọa Đại hội.
2. Ông Đinh Xuân Hân – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
3. Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Tổng số phiếu tán thành : 215.876.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

4.2. Thư ký Đại hội:

1. Bà: Hà Lan Anh, Phó TP KHĐT, Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban
2. Bà: Nguyễn Thanh Thanh Bình, Chuyên viên Phòng TCHC - Thành viên

Tổng số phiếu tán thành : 215.876.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

4.3. Ban kiểm phiếu:

1. Bà Hoàng Thị Thái Thanh, Trưởng phòng KDXNK - Trưởng ban
2. Bà Khương Thị Mai Lan, Phó Trưởng phòng KHCN - Thành viên
3. Ông Đặng Kiều Hưng, Phó GD TTNCPTHKCN Dược - Thành viên

Tổng số phiếu tán thành : 215.876.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

1. Thông qua Chương trình làm việc và Quy chế Đại hội.

1.1. Bà Nguyễn Hồng Nhung – thành viên HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua Chương trình làm việc của Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành : 215.876.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

1.2. Bà Phạm Thị Xuân Hương – thành viên HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành : 215.876.284 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Ông Lê Văn Sơn - Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (Báo cáo kèm theo).

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022.

Ông Nguyễn Văn Khái - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022 (Báo cáo kèm theo).

4. Các Tờ trình: Tờ trình 369/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP; Tờ trình 370/TTr – BKS ngày

28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. Đồng thời, thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật từ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị sang chức danh Tổng Giám đốc theo quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị

4.1. Tờ trình 369/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

- Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình 369/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 v/v dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. (Tờ trình kèm theo)

4.2. Tờ trình 370/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình 370/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (Tờ trình kèm theo).

5. Ông Bùi Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam trình bày báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính năm 2022 (báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất) của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

6. Các Tờ trình: Tờ trình 371/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026; Tờ trình 372/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; Tờ trình 373/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022; Tờ trình 374/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023; Tờ trình 375/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023

6.1. Bà Hàn Thị Khánh Vinh thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày các Tờ trình: (i) Tờ trình 371/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026; Tờ trình 372/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; Tờ trình 373/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022; Tờ trình 374/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

(Tờ trình kèm theo)

6.2. Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình 375/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023.

(Tờ trình kèm theo)

7. Thảo luận

- Hội 10 giờ 10 phút Đại hội tiếp tục làm việc với phần hỏi đáp, thảo luận với các cổ đông.

- Ông Lê Văn Sơn thay mặt Đoàn Chủ tọa điều hành việc thảo luận. Đoàn Chủ tọa tiếp thu các ý kiến và lần lượt giải đáp các câu hỏi của cổ đông.

- Phần câu hỏi của cổ đông và phần giải đáp từ Đoàn Chủ tọa được ghi nhận tại Phụ lục Hỏi – Đáp đính kèm (Phần này sẽ được cập nhật, công bố thông tin kèm Biên bản và đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty theo quy định).

8. Ông Vũ Tuấn Cường – Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế phát biểu ý kiến tại Đại hội.

9. Ban kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật tình hình cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm biểu quyết

Đến 10 giờ 30 ngày 30/6/2023

- Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện ủy quyền: 227.650.184 cổ phần

- Tổng số phiếu biểu quyết dự họp: 227.650.184 phiếu biểu quyết

Như vậy, tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội là 227.650.184 cổ phần tương ứng 96.05% tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty

10. Biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.

- Ông Lê Văn Sơn thay mặt Đoàn Chủ tọa xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.

- Bà Hoàng Thị Thái Thanh – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết thông qua các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội.

- Tại thời điểm biểu quyết:

+ Tổng số cổ phần phổ thông sở hữu và đại diện sở hữu là: 227.650.184 cổ phần (tương ứng 96.05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).

+ Số phiếu biểu quyết tương ứng: 227.650.184 phiếu biểu quyết (tương ứng 96.05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty).

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

(Có Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kèm theo)

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
2	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
		<i>quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>	<i>cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>	<i>cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i>
3	Tờ trình 369/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. Đồng thời, thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi chức danh, người đại diện theo pháp luật từ Chủ tịch Hội đồng quản trị sang Tổng Giám đốc theo quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị.	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
4	Tờ trình 370/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
5	Tờ trình 371/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

TT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu tán thành	Tổng số phiếu không tán thành	Tổng số phiếu không có ý kiến
6	Tờ trình 372/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
7	Tờ trình 373/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
8	Tờ trình 374/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
9	Tờ trình 375/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023	227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

11. Bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

11.1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Bà Hoàng Thị Thái Thanh – Trưởng Ban Kiểm phiếu thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (nhiệm kỳ 2021 - 2026).

Số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 06 người. Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026 là: 02 thành viên.

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 04 người. Số lượng bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 là: 02 thành viên.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, thành viên BKS được bầu bổ sung: Là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số cổ phần hợp lệ: 227.650.184 cổ phần

Số cổ phần không hợp lệ: 0 cổ phần

Tổng số phiếu tán thành : 227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

11.2. Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày và thông qua Tờ trình 376/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 (Tờ trình kèm theo)

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành : 227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

11.3. Thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

Ông Đinh Xuân Hân thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026:

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
(NHIỆM KỲ 2021 – 2026)**

TT	HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN	CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
1	Ông Trần Đức Hùng	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH nắm giữ 154.050.000 cổ phần (trương ứng 65% vốn điều lệ) Tổng công ty Dược

		Việt Nam – CTCP
2	Ông Trần Văn Hải	Nhóm cổ đông sở hữu 28.235.772 cổ phần (tương ứng 11,91% vốn điều lệ) Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
(NHIỆM KỲ 2021 – 2026)**

TT	HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN	CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
1	Bà Hoàng Diệu Linh	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH nắm giữ 154.050.000 cổ phần (tương ứng 65% vốn điều lệ) Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP
2	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Nhóm cổ đông sở hữu 28.235.772 cổ phần (tương ứng 11,91% vốn điều lệ) Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành : 227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

12. Ông Lê Thanh Tuấn – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phát biểu ý kiến tại Đại hội.

13. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

Bà Hoàng Thị Thái Thanh – Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026, kết quả cụ thể như sau:

13.1. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026

Tổng số phiếu hợp lệ: 455.297.568 phiếu bầu

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu bầu

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
1	Ông Trần Đức Hùng	309.323.794	135,88%
2	Ông Trần Văn Hải	145.973.774	64,12%

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 và Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, các Ông có tên dưới đây trúng cử bổ sung thành viên HĐQT Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026:

- Ông Trần Đức Hùng; và
- Ông Trần Văn Hải.

13.2. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

Tổng số phiếu hợp lệ: 455.297.568 phiếu bầu

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu bầu

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
1	Bà Hoàng Diệu Linh	309.341.694	135,88%
2	Bà Kiều Thị Minh Hồng	145.955.874	64,11%

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 và Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, các Bà có tên dưới đây trúng cử bổ sung thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026:

- Bà Hoàng Diệu Linh; và
- Bà Kiều Thị Minh Hồng.

13.3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS được bầu bổ sung ra mắt Đại hội đồng cổ đông.

14. Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

14.1. Bà Hà Lan Anh thay mặt Ban thư ký Đại hội đọc toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.

14.2. Đại hội nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tán thành : 227.650.184 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự, ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Lê Văn Sơn thay mặt Đoàn Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày.



Lê Văn Sơn

ĐOÀN CHỦ TỌA

Đình Xuân Hân

Hàn Thị Khánh Vinh

BAN THƯ KÝ

Hà Lan Anh

Nguyễn Thanh Thanh Bình

Handwritten red text on the right margin, possibly a date or page number.

**PHÚC ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỌA VỚI CÁC CÂU HỎI CỦA CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP**

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
1	<p>Cổ đông: Nguyễn Văn Thảo Mã cổ đông: DVN2023.1075</p> <p>Tại các kỳ Đại hội trước đây, mức tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị trình Đại hội chi tiết. Tuy nhiên, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT chỉ trình mức thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát theo các quy định của pháp luật. Đề nghị Đoàn chủ tọa cho biết lý do của việc điều chỉnh này.</p>	<p>Đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty hiện nay là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Việc xác định tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty được thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Trên cơ sở quy định pháp luật, tổng quỹ lương cán bộ quản lý được xác định tùy thuộc vào số lượng cán bộ quản lý chuyên trách, kiêm nhiệm của Tổng công ty, từ đó xác định mức lương cụ thể của từng cán bộ quản lý.</p>
2	<p>Cổ đông: Nguyễn Nhật Hải Mã cổ đông: DVN2023.0646</p> <p>Kết quả kinh doanh của Tổng công ty chưa tương xứng với thương hiệu Vinapharm, nỗ lực của Ban Lãnh đạo</p>	<p>Đoàn Chủ tọa ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông với hoạt động và sự phát triển của Tổng công ty.</p> <p><i>Về kết quả kinh doanh năm 2022:</i></p> <p>Trong khi năm 2022 ghi nhận mức tăng trưởng toàn ngành khoảng 11% so với năm 2021, thì báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty năm 2022 cho thấy</p>

TT	Câu hỏi của cổ đông	Phúc đáp của Đoàn Chủ tọa
	<p>Tổng công ty.</p> <p>Việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước từ Bộ Y tế sang SCIC sẽ là cơ hội cho sự phát triển của Tổng công ty.</p> <p>Đề nghị Ban Lãnh đạo Vinapharm đổi mới cách nghĩ, phương thức lãnh đạo để nâng tầm, phát triển thương hiệu Vinapharm. Tổng công ty là phải đơn vị tiên phong trong việc cung cấp thuốc, đặc biệt là các loại thuốc hiếm cho nhu cầu điều trị bệnh của người dân.</p> <p>Đề nghị Ban Lãnh đạo Vinapharm xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2023 – 2030, mở rộng mạng lưới phân phối, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>Đề nghị hoạt động kinh doanh của Trung tâm Dược Mỹ phẩm phải có lãi, chấm dứt tình trạng lỗ kéo dài; thay thế Ban Lãnh đạo Trung tâm để hoạt động của Trung tâm có hiệu quả.</p>	<p>tổng doanh thu giảm 36%, lợi nhuận sau thuế giảm 88,7%. Các lý do chính như sau:</p> <p>+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm do trong năm 2022 một số công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu như: Công ty CP Dược phẩm OPC, Công ty CP Dược Trung ương Medipharco, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco;</p> <p>+ Năm 2022, do diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán giá cổ phiếu của một số đơn vị thành viên của Tổng công ty giảm sâu trong kỳ, Tổng công ty phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư đã niêm yết trên sàn chứng khoán là 91,7 tỷ đồng.</p> <p>Về việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội:</p> <p>Tổng công ty và các công ty có vốn góp của Tổng công ty đã có nhiều đóng góp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid 19 được Bộ Y tế và Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao.</p> <p>Tổng công ty cũng tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên trong các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế, các hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần cung ứng thuốc, trong đó có những loại thuốc hiếm phục vụ công tác phòng, chữa bệnh của người dân.</p> <p>Về hoạt động kinh doanh của Trung tâm Dược Mỹ phẩm: Ban Lãnh đạo Tổng công ty đã triển khai nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng lỗ kéo dài của Trung tâm.</p> <p>Trong thời gian tới Ban Lãnh đạo Tổng công ty sẽ tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp dược ngoài danh mục các đơn vị thành viên hiện tại để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trên thị trường; Đồng thời rà soát, nghiên cứu, đánh giá và xem xét việc thoái vốn của Tổng công ty tại những công ty hoạt động kém hiệu quả và/hoặc không phù hợp chiến lược phát triển của Tổng công ty nhằm thu hồi vốn đầu tư và sử dụng nguồn vốn</p>



TT	Câu hỏi của cổ đông	Phức đáp của Đoàn Chủ tọa
		<p>này để đầu tư vào các công ty/dự án khác có hiệu quả cao hơn.</p>
3	<p>Cổ đông: Nguyễn Thanh Long Mã cổ đông: DVN2023.0684</p> <p>Đề nghị Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu DVN trên Sở Giao Dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p>	<p>Ban lãnh đạo của Tổng công ty luôn nhận thức được vai trò và vị thế của Tổng công ty đối với ngành dược Việt Nam và việc đưa cổ phần của Tổng công ty lên niêm yết tại sàn giao dịch có tiêu chuẩn cao như sàn giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) và sàn giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) luôn được tính đến.</p> <p>Vào thời điểm hiện tại, Tổng công ty đang sở hữu khoản đầu tư vốn tại 3 công ty con, 7 công ty liên kết và 13 công ty đầu tư góp vốn dài hạn khác, các đơn vị này sử dụng hệ thống phần mềm kế toán và đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán khác nhau tạo ra một số vướng mắc nhất định trong quá trình thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng công ty. Tổng công ty và các đơn vị thành viên đang hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phần mềm kế toán, đơn vị kiểm toán thống nhất nhằm giải quyết vướng mắc này để đáp ứng tiêu chuẩn về công bố thông tin, báo cáo tài chính để hướng tới niêm yết trên các sàn giao dịch HOSE, HNX.</p> <p>Hiện trên sàn giao dịch Upcom cũng có rất nhiều cổ phiếu tốt, cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành trong tự DVN của Vinapharm. Ví dụ như BSR của CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn, VGI của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, VGT của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và QNS của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi. Các cổ phiếu này, cũng như DVN đều được giao dịch với khối lượng, thanh khoản tốt không kém những cổ phiếu trên sàn HOSE và HNX, tạo ra cơ hội đầu tư hấp dẫn đối với cả nhà đầu tư ngắn hạn và dài hạn.</p> <p>Trong thời gian tới, Tổng công ty sẽ cân nhắc xây dựng kế hoạch niêm yết cổ phiếu tại thời điểm thích hợp và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</p>

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP ngày 30 tháng 6 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022 (*Báo cáo kèm theo*).

Điều 3. Thông qua Tờ trình 369/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP. Đồng thời, thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật từ Chủ tịch Hội đồng quản trị sang Tổng Giám đốc theo quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 4. Thông qua Tờ trình 370/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 5. Thông qua Tờ trình 371/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 6. Thông qua Tờ trình 372/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (*Tờ trình kèm theo*).

Điều 7. Thông qua Tờ trình 373/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Căn cứ
1	Lợi nhuận sau thuế tổng hợp năm 2022	27.579.662.892	
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	665.867.970	
3	Lũy kế LNST được phân phối	28.245.530.862	
4	Phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:		
4.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty, trong đó	2.896.054.950	Nghị định 53/2016/NĐ-CP

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Căn cứ
			và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
4.1.1	Quỹ khen thưởng	1.712.500.965	
4.1.2	Quỹ phúc lợi	733.928.985	
4.1.3	Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty	449.625.000	
4.2	Quỹ Đầu tư phát triển năm 2022 (= [1]*30%)	8.273.898.868	Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020
4.3	Chia cổ tức	0	
5	Lợi nhuận để lại chuyển năm sau	17.075.577.044	

Điều 8. Thông qua Tờ trình 374/TTr – HĐQT ngày 28/6/2023 về việc báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023, cụ thể:

1. Quỹ thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2022: 408.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng*). Chi tiết thù lao cho từng chức danh như sau:

STT	Tên thành viên	Chức danh	Số tiền (VNĐ)
I.	Hội đồng quản trị		
1	Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	240.000.000
2	Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT	96.000.000
II.	Ban kiểm soát		
1	Trần Văn Hải	Thành viên BKS	36.000.000
2	Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên BKS	36.000.000

2. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023:

2.1. Từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 30/6/2023

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.

2.2. Từ thời điểm 01/7/2023 đến thời điểm 31/12/2023

- Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông qua Tờ trình 375/TTr – BKS ngày 28/6/2023 về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2023 bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm; soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2023 theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp đàm phán với các công ty kiểm toán trên không thành công, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính, UBCKNN chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo quy định.

Điều 10. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026:

1. Danh sách bổ sung thành viên HĐQT:

- Ông Trần Đức Hùng; và
- Ông Trần Văn Hải.

2. Danh sách bổ sung thành viên BKS:

- Bà Hoàng Diệu Linh; và
- Bà Kiều Thị Minh Hồng.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, thành viên BKS được bầu bổ sung: Là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP thông qua với 227.650.184 cổ phần tương ứng với 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- SCIC (để b/c);
- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VT, Thư ký TCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

h
Lê Văn Sơn



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

Căn cứ các quy định của pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Kết quả kinh doanh năm 2022, Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP như sau:

A. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên:

- Ông Lê Văn Sơn, Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Đinh Xuân Hân, thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc;
- Bà Hàn Thị Khánh Vinh, thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc;
- Bà Nguyễn Hồng Nhung, thành viên Hội đồng quản trị;
- Bà Phạm Thị Xuân Hương, thành viên Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, các hoạt động của Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng tập thể CBNV và các đơn vị thành viên đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh đề ra.

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức tổng cộng 04 phiên họp, ban hành 98 Nghị quyết và 17 Quyết định liên quan để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty, chủ yếu tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

1. Các nghị quyết, quyết định về việc ủy quyền người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty và tiếp tục thực hiện quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Các Nghị quyết về việc trả lời Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định về việc tổ chức và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

3. Nghị quyết về việc không tiếp tục thanh toán các chi phí liên quan đến giao nhận kho đối với hàng hóa vật tư, trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất, sinh phẩm do Bộ Y tế mua/ nhận tài trợ để phòng, chống dịch Covid-19.

4. Các nghị quyết về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Liên danh Sông Hồng – Đất Việt.

5. Nghị quyết về việc tuyển dụng, bổ nhiệm Trưởng Bộ phận KTNB, các nhân sự KTNB Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

6. Các nghị quyết, quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính Kế toán Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đã thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm được giao, cụ thể:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự/ ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, trả lời phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Stt	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện
1	Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022	
1.1	Báo cáo tài chính tổng hợp	
	Tổng doanh thu: 140,7 tỷ đồng	Tổng doanh thu đạt 175,1 tỷ đồng, đạt 124,5% kế hoạch.
	Lợi nhuận trước thuế: 75 tỷ đồng	Lợi nhuận trước thuế đạt 27,6 tỷ đồng, đạt 36,8% kế hoạch. Nếu loại trừ khoản chi phí trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính do thị trường chứng khoán giảm mạnh (Đây là các yếu tố khách quan và Tổng công ty không kiểm soát được) thì lợi nhuận trước thuế đạt 119,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 59,1%.
1.2	Báo cáo tài chính hợp nhất	
	Tổng doanh thu: 5.686,4 tỷ đồng	Tổng doanh thu đạt 5.671,7 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch.
	Lợi nhuận trước thuế: 159 tỷ đồng	Lợi nhuận trước thuế 131,9 tỷ đồng, đạt 82,9% kế hoạch.
2	Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021	
2.1	Chi trả cổ tức (7%)	Đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ thực hiện 7%/cổ phiếu, thanh

Stt	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện
		toán vào ngày 18/10/2022.
2.2	Trích Quỹ đầu tư phát triển 73,1 tỷ đồng	Đã trích lập các Quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2.3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng của cán bộ quản lý 5,9 tỷ đồng	
3	Lương, thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022	Đã thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4	Ủy quyền HĐQT lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022	Ngày 25/7/2022, Tổng công ty đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young - Chi nhánh Hà Nội để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Thông qua cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Hội đồng quản trị thông qua báo cáo trực tiếp của Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT và báo cáo bằng văn bản đã nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng công ty, từ đó kịp thời đưa ra chủ trương, chính sách phát triển phù hợp, đồng thời thảo luận, quyết định các giải pháp và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành Tổng công ty. Ban điều hành đã giải trình các vấn đề còn tồn đọng, nguyên nhân chưa đạt mục tiêu kế hoạch, đưa các giải pháp, các đề xuất, kiến nghị và trả lời chất vấn của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Hội đồng quản trị đã thảo luận nghiêm túc và quyết nghị tất cả các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Tổng công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, theo các tờ trình và đề xuất của Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị là cơ sở để Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Công tác điều hành hoạt động kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Tổng doanh thu theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 5.671,7 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch, đồng thời cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch, các nhiệm vụ chính đề ra. Lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 131,9 tỷ đồng, đạt 82,9% kế hoạch.

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo hình thức trực tuyến vào ngày 26/4/2022.

+ Thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 cho cổ đông theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quy định của pháp luật (Đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ thực hiện 7%/cổ phiếu, thanh toán vào ngày 18/10/2022).

+ Giám sát các Báo cáo tài chính quý, giám sát việc thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH Ernst & Young - Chi nhánh Hà Nội thực hiện.

- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và người lao động.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

IV. THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Trong năm 2022, việc chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Thư ký Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP tổ chức ngày 26/4/2022.

V. NHÂN SỰ

Tổng số nhân sự tại văn phòng Công ty mẹ tính đến thời điểm hiện nay là 58 người, trong đó có 46 nhân sự có trình độ đại học và sau đại học; 09 nhân sự có trình độ cao đẳng, trung cấp và 03 nhân sự có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật.

Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp (“*Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc*”), Khoản 2 và Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“*2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng. 3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác*”). Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc; Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 công ty khác.

Thực hiện quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ – CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ và Thông tư 66/2020/TT- BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp, Tổng công ty đã thành lập và kiện toàn nhân sự bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã chính thức hoạt động và hiện đang thực hiện kiểm toán tại Công ty CPDP Trung ương CPC1 – một trong ba công ty con của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Về chức danh kế toán trưởng: Ông Trần Anh Tuấn được Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán kể từ ngày 23/6/2017 và được bổ nhiệm lại từ ngày 23/6/2022. Ngày 15/8/2022, theo nguyện vọng cá nhân của Ông Trần Anh Tuấn, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 069/2022/NQ/TCTD – HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán đối với Ông Trần Anh Tuấn. Tổng công ty đã thực hiện việc công bố thông tin theo đúng các quy định của pháp luật. Trong thời gian thực hiện các thủ tục tuyển dụng, bổ nhiệm Kế toán trưởng mới, Bà Hàn Thị Khánh Vinh – thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc được giao phụ trách phòng Tài chính Kế toán cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định khác.

VI. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

1. Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2022

Việt Nam là một trong số ít những nền kinh tế trên thế giới đạt tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao (8,02%) cùng với thành công trong kiềm chế lạm phát đạt mục tiêu của Chính phủ (dưới 4%). Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,54% và 3,23% của năm 2018 và 2020; cao hơn mức tăng 2,79% và 1,84% của năm 2019 và năm 2021. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59%.

Bên cạnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2022 cũng gặp phải nhiều thách thức. Chỉ số sức mạnh đồng USD liên tục gia tăng kể từ tháng 3 khi Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (Fed) bắt đầu lộ trình tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát tạo ra áp lực khiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải nới lỏng tỷ giá thông qua việc liên tục tăng giá bán USD và nâng biên độ giao dịch từ 3% lên 5%. Tính riêng tháng 10/2022, đồng VND mất giá 4,3% so với đồng USD khiến tỷ lệ mất giá so với đầu năm tăng lên 8,8%.

Về lãi suất, các sự vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp bất động sản đã tạo ra ảnh hưởng tiêu cực khiến thanh khoản hệ thống ngân hàng bị ách tắc. Lãi suất liên ngân hàng tăng nhanh vào cuối quý 3 cũng như biến động mạnh trong giai đoạn tháng 9, tháng 10 năm 2022. Sau khi Ngân hàng Nhà nước tăng lãi suất điều hành trong tháng 9 và tháng 10, mặt bằng lãi suất huy động đã tăng nhanh tại tất cả các kỳ hạn và thậm chí đã lên cao hơn mức trước đại dịch. Cụ thể, tính tới cuối tháng 11/2022, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng và 12 tháng bình quân của các ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước tăng 2 điểm % và 1,9 điểm % so với đầu năm.

Việc đồng Đô la Mỹ tăng giá cùng với lãi suất liên tục tăng cao đã tạo ra áp lực lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong ngành Dược do ngành vẫn còn phụ thuộc lớn vào nguồn đầu vào nhập khẩu (trị giá thuốc nhập khẩu chiếm từ 55% đến trên 70% tổng trị giá tiền thuốc sử dụng trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, nguồn nguyên liệu cũng phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu), đồng thời nhiều doanh nghiệp trong ngành có tỷ lệ vốn vay cao, đặc biệt là các doanh nghiệp phân phối như Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 là công ty con của Tổng công ty.

2. Tình hình ngành dược Việt Nam năm 2022

So với mức nền tăng trưởng thấp trong năm 2021, doanh thu dược phẩm tại kênh bệnh viện có sự phục hồi mạnh, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, giúp tăng trưởng doanh thu toàn ngành cả năm 2022 khoảng 11% so với cùng kỳ năm 2021, phục hồi gần về mức doanh thu trước Covid-19.

Theo BMI, năm 2022 chứng kiến sự phục hồi mạnh trong chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe. Doanh thu ngành chăm sóc sức khỏe tăng 25% so với năm 2021, đạt 155 nghìn tỷ đồng (6,6 tỷ USD), cao hơn đáng kể so với mức trước Covid (Doanh thu năm 2019 đạt 4,7 tỷ USD). Điều này thấy sự phục hồi mạnh của doanh thu các bệnh viện cũng như doanh thu của các công ty dược phẩm đối với kênh bệnh viện vào năm 2022 và mức tăng trưởng toàn ngành của phân khúc ETC là 29% so với cùng kỳ. Tăng trưởng doanh thu tại các chuỗi bán lẻ dược phẩm có xu hướng giảm tốc từ mức nền cao trong năm 2021 nhưng vẫn duy trì mức tăng trưởng 23% so với cùng kỳ.

Khó khăn do việc chậm cấp mới số đăng ký vẫn ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Ngày 30/12/2021 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 12/2021/UBTVQH15 về việc cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, đến tháng 6 và tháng 7 năm 2022 các số đăng ký mới được thực hiện gia hạn theo khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết 12/2021/UBTVQH15 và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2022. Do vậy các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh được phẩm vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn.

Việc hải quan áp mã HS cho các nguyên liệu được phẩm nhập khẩu (Ví dụ Levofloxacin,...) ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp do có sự không thống nhất trong việc thực hiện giữa Thông tư 06/2018/TT-BYT về danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc dùng cho người và mỹ phẩm xuất khẩu, nhập khẩu được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam của Bộ Y tế và Thông tư 65/2017/TT-BTC về danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu Việt Nam của Bộ Tài chính.

Các doanh nghiệp được cũng gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp sản phẩm và thu hồi công nợ mảng ETC, cụ thể:

Thứ nhất là bất cập trong quy định, hướng dẫn về công tác đấu thầu và thanh quyết toán tiền thuốc của các bên liên quan. Nhiều quy định còn chưa rõ ràng, chưa thống nhất, khiến các doanh nghiệp được gặp trở ngại trong thực hiện các thủ tục đáp ứng theo yêu cầu.

Thứ hai, vấn đề công nợ của các đơn vị đối với doanh nghiệp đang có khuynh hướng gia tăng đáng kể và kéo dài. Tỷ lệ công nợ quá hạn tại các bệnh viện công ở mức cao do tình trạng khoanh nợ, gia hạn nợ,... gây khó khăn rất lớn cho việc vận hành doanh nghiệp.

Thứ ba là vấn đề bất cập trong quản lý giá thuốc, xây dựng giá kế hoạch trong đấu thầu, khiến giá thuốc bị "đóng khung" hoặc giảm giá qua nhiều năm, trong khi tình hình thị trường đang biến động rất lớn về giá nguyên liệu đầu vào tăng, giá các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất vận hành đang có khuynh hướng tăng, lạm phát...

Ngoài ra, tình hình sử dụng thuốc cũng biến động, khó dự đoán cho cả đơn vị y tế và doanh nghiệp. Các bệnh viện chưa xác định rõ tiến độ mua sắm thuốc trong năm, trong khi đó công tác dự trữ sản xuất thuốc phải cần có lộ trình. Điều này dễ dẫn đến cung không đủ cầu và nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu thuốc cục bộ.

3. Kết quả kinh doanh năm 2022

3.1. Kết quả kinh doanh theo báo cáo tài chính tổng hợp

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
					So với NT	So với KH
1	Tổng doanh thu	273.860	140.702	175.149	63,96%	124,48%
2	Lợi nhuận trước thuế	243.758	74.968	27.580	11,31%	36,79%

- **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu theo báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty năm 2022 đạt 175,1 tỷ đồng, đạt 124,5% kế hoạch đề ra năm 2022 và giảm 36% so với thực hiện của năm 2021.

- **Lợi nhuận trước thuế:** Lợi nhuận trước thuế theo báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đạt 27,6 tỷ đồng, bằng 36,8% kế hoạch và giảm 88,7% so với cùng kì năm trước. Lợi nhuận trước thuế tổng hợp năm 2022 giảm mạnh so với năm 2021 là do:

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm do trong năm 2022 một số công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu như: Công ty CP Dược phẩm OPC, Công ty CP Dược Trung ương Medipharco, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco.

+ Trong năm 2022, do diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán giá cổ phiếu của một số đơn vị thành viên của Tổng công ty giảm sâu trong kỳ, đặc biệt như: Cổ phiếu CTCP Hóa Dược phẩm Mekophar (MKP) giảm giá gần 60% (từ 65,0 nghìn đồng về 26,1 nghìn đồng); cổ phiếu CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) giảm 41% (từ 35,5 nghìn đồng về 20,9 nghìn đồng),... Biến động tiêu cực giá cổ phiếu của các đơn vị thành viên dẫn tới việc Tổng công ty phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư đã niêm yết trên sàn chứng khoán trong năm 2022 là 91,7 tỷ đồng (trong đó trích lập cho cổ phiếu các công ty như Công ty CP Hóa Dược phẩm Mekophar là 76,2 tỷ đồng và Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex là 13 tỷ đồng,...), qua đó làm giảm lợi nhuận tương ứng. Ngược lại trong năm 2021, Tổng công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 33 tỷ đồng; Trong khi đó năm 2022 Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 91,7 tỷ đồng. Nếu loại trừ khoản chi phí trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính thì lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 119,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 59,1%.

- Hoạt động của Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm – Vinapharm: HĐQT, Ban TGD Tổng công ty đã nhiều lần làm việc và yêu cầu Lãnh đạo Trung tâm Dược mỹ phẩm xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại như kinh doanh không hiệu quả, công nợ tồn đọng lâu ngày chưa thu hồi được, sản phẩm ứ đọng chậm luân chuyển, kém - mất phẩm chất, năng suất lao động thấp,... yêu cầu đẩy mạnh công tác bán hàng, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi theo quy định, có giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả kinh doanh và chấm dứt lỗ. Trung tâm Dược Mỹ phẩm đã cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, đóng một số quầy bán lẻ thuốc kinh doanh không hiệu quả hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, hoàn thiện quy chế khoán, cơ cấu lại sản phẩm, hàng hóa, tìm kiếm nguồn hàng, đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng có biên lợi nhuận cao, giảm nhân sự gián tiếp và nhân sự không hoàn thành nhiệm vụ,... Theo báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2022 của Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm là -736 triệu đồng; giảm lỗ 54,3% so với số lỗ của năm 2021 - 1.609 triệu đồng; Số lỗ lũy kế tính đến 31/12/2022 của Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm là 11,08 tỷ đồng.

3.2. Kết quả kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh %	
					Với NT	Với KH
1	Tổng doanh thu	4.989.550	5.686.415	5.671.705	113,67%	99,74%
2	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	90.499	70.342	82.304	90,94%	117,01%
3	Lợi nhuận trước thuế	234.445	159.060	131.904	56,26%	82,93%

Tổng doanh thu theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đạt 5.671,7 tỷ đồng, bằng 113,7% so với thực hiện năm 2021 và đạt 99,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 131,9 tỷ đồng, giảm 43,7% so với thực hiện năm 2021 và đạt 82,9% kế hoạch năm 2022.

4. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ chính năm 2022

4.1. Quản lý phần vốn Nhà nước và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp

Công tác quản lý phần vốn Nhà nước, vốn của các cổ đông tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp thành viên được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Tổng công ty.

Trong năm 2022, Tổng công ty thực hiện mua cổ phiếu của Công ty CP Dược phẩm Vidipha, Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex và Công ty CP Hóa dược Việt Nam để duy trì tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị này. Ngoài ra, Tổng công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty CP Dược phẩm OPC, Công ty CP Dược Medipharco và Công ty CP Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco; nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty CP Dược liệu Trung ương 2.

Theo báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2022, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty là 27,6 tỷ đồng và theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty là 131,9 tỷ đồng. Tổng công ty đã bảo toàn vốn Nhà nước, vốn của các cổ đông tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên.

4.2. Công tác thoái vốn Nhà nước

- Ngày 08/12/2016 Tổng công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

- Ngày 30/6/2017 ký Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng công ty Dược Việt Nam (Công ty TNHH MTV) sang Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

- Ngày 24/8/2017 Tổng công ty nhận được Quyết định số 1232/QĐ – TTg ngày 17/8/2017 phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020.

- Ngày 10/11/2017 Bộ Y tế ban hành Văn bản số 6444/BYT – KHTC, trong đó nêu rõ: *“đề nghị Giám đốc công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP xem xét, biểu quyết việc không thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp, biểu quyết việc không bán vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 10382/VPCP – ĐMDN ngày 11/12/2015 của Văn phòng Chính phủ”. Với quy định tại Văn bản số 6444/BYT – KHTC ngày 10/11/2017 của Bộ Y tế, việc triển khai nhiều dự án đầu tư của Tổng công ty bị ảnh hưởng bởi tiến độ thoái vốn chậm; Các công ty con của Tổng công ty thiếu vốn để phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu luôn ở mức cao, lợi nhuận tạo ra phải sử dụng để chi trả nhiều cho các khoản lãi vay ngân hàng.*

Căn cứ vào Công văn 2391/BYT-KHTC ngày 29/04/2020 của Bộ Y Tế v/v xác định giá khởi điểm cổ phần khi thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2019, Tổng công ty đã tích cực phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán

CPA Việt Nam (đơn vị cung cấp dịch vụ được Bộ Y tế lựa chọn) và cung cấp đầy đủ tài liệu cũng như thực hiện các công việc khác phục vụ xác định giá khởi điểm cổ phần theo yêu cầu của đơn vị tư vấn.

- Ngày 29/6/2020 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 908/QĐ – TTg phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020, theo đó tỷ lệ thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty là 29% vốn điều lệ; Tỷ lệ vốn Nhà nước còn lại sau khi thoái vốn là 36%.

- Ngày 23/07/2020, Tổng công ty tham dự cuộc họp về dự thảo lần 1 Báo cáo định giá của Công ty CPA Việt Nam do Thứ trưởng Nguyễn Trường Sơn chủ trì, qua đó Thứ trưởng yêu cầu “Các thành viên tổ công tác rà soát lại dự thảo báo cáo/chứng thư thẩm định giá do Công ty CPA lập và cho ý kiến (nếu có). Yêu cầu hoàn thiện việc rà soát **này trước 29/7/2020**”.

- Ngày 22/10/2020, Tổng công ty tham dự cuộc họp về thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty do Thứ trưởng Nguyễn Trường Sơn chủ trì, bao gồm nội dung “Công ty CPA báo cáo kết quả thẩm định giá xác định giá khởi điểm cổ phần Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP”. Trên cơ sở ý kiến các thành viên tham dự cuộc họp và ý kiến giải trình của Công ty CPA, trong ý kiến kết luận Thứ trưởng Nguyễn Trường Sơn đã yêu cầu “các Vụ/Cục phối hợp chặt chẽ để hoàn thành chứng thư thẩm định giá; Thời gian hoàn thành: **Trước ngày 30/10/2020**”.

- Ngày 03/12/2020, Công ty kiểm toán CPA đã phát hành chứng thư số 181/2020/CTĐG về xác định giá khởi điểm cổ phần khi thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (kết quả định giá có giá trị trong vòng 180 ngày kể từ ngày phát hành Chứng thư thẩm định giá; Chứng thư đã hết hiệu lực vào ngày 1/6/2021).

Theo yêu cầu của Bộ Y tế tại Công văn số 1013/BYT-KHTC ngày 18/02/2021 đề nghị Tổng công ty Dược Việt Nam phối hợp với Công ty CPA để xác định giá khởi điểm cổ phần tại thời điểm 31/12/2020 và hoàn thành dự thảo trước ngày 10/4/2021. Tổng công ty cũng đã khẩn trương phối hợp với đơn vị tư vấn cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu theo yêu cầu. Công ty CPA đã hoàn thành và trình Bộ Y tế dự thảo báo cáo định giá tại thời điểm 31/12/2020.

Việc định giá khởi điểm cổ phần khi thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đã được Công ty CPA thực hiện hai lần: (i) Tại thời điểm 31/12/2019 và (ii) Tại thời điểm 31/12/2020.

Tổng công ty đã thực hiện 02 lần chuyển tiền theo quy định để Bộ Y tế thanh toán phí dịch vụ thẩm định giá.

Do Bộ Y tế chưa phê duyệt Chứng thư thẩm định giá và việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty chưa hoàn thành nên Tổng công ty chưa thể thực hiện quyết toán khoản chi nói trên theo quy định. Khi thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2022, công ty kiểm toán độc lập EY đã có ý kiến về khoản chi hộ này, nếu tình trạng tiếp tục kéo dài đơn vị kiểm toán sẽ có ý kiến ngoại trừ khoản chi hộ này khi phát hành báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

Tổng công ty cũng đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã trình Bộ Y tế dự thảo phương án thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Tổng công ty đã thực hiện chuyển tiền về Bộ Y tế để Bộ Y tế thanh toán cho Công ty CP sở hữu trí tuệ Davilaw và Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt.

Đối với các khoản tiền Tổng công ty đã chuyển về Bộ Y tế thực hiện thanh toán cho dịch vụ triển khai trong quá trình thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty, Tổng công ty sẽ báo cáo/ phối hợp với Bộ Y tế để xử lý nghiệm thu, thanh toán các chi phí liên quan theo đúng quy định.

- Ngày 02/7/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 22/2021/QĐ – TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 – 2025, theo đó khoản 1 Điều 8 của Quyết định nêu rõ: “Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 và Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 được tiếp tục thực hiện cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025”.

- Ngày 17/3/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 360/QĐ – TTg phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 – 2025; Trong đó tiết a Khoản 5 Điều 1 Quyết định quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 nêu rõ: “đại hội đồng cổ đông phê duyệt đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Nhà nước nắm giữ từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ, tổng số cổ phần sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu”. Như vậy, theo Quyết định này Bộ Y tế là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021 – 2025.

- Ngày 06/7/2022 Người đại diện vốn Nhà nước gửi Bộ Y tế Văn bản số 271/TCTD – NDD kính đề nghị Bộ Y tế:

+ Kính đề nghị Bộ Y tế chỉ đạo sớm hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty để Tổng công ty và các công ty con ổn định các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Kính đề nghị Bộ Y tế chỉ đạo các Vụ/Cục, hướng dẫn Tổng công ty chi tiết việc triển khai thực hiện Quyết định 360/QĐ – TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 – 2025”.

- Ngày 09/8/2022 Người đại diện vốn Nhà nước gửi Bộ Y tế Văn bản số 323/TCT – NDD về đề án cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định 360/QĐ – TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó Người đại diện vốn Nhà nước kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty với tỷ lệ theo Quyết định 908/QĐ – TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (tỷ lệ thoái vốn Nhà nước là 29% trong năm 2022-2023; Phần vốn nhà nước còn lại (36%) tiếp tục do Bộ Y tế quản lý).

- Ngày 29/11/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1479/QĐ – TTg phê duyệt KH sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025, trong đó nêu rõ: “Các **doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc: Bộ Y tế**, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân

tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp chưa được quy định tại Quyết định này (không thuộc diện chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước) thực hiện sắp xếp theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”.

Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đã báo cáo Bộ Y tế tại Văn bản 066/TCTD – KHĐT ngày 11/02/2023 và tại cuộc họp với đoàn công tác Bộ Y tế ngày 14/02/2023: (i) Kính đề nghị Bộ Y tế có ý kiến chỉ đạo về Đề án cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định 360/QĐ – TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã được Người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng công ty đã trình Bộ Y tế kèm theo Văn bản số 323/TCT – NDD ngày 09/8/2022; (ii) Kính đề nghị Bộ Y tế chỉ đạo sớm hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty để Tổng công ty ổn định các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cụ thể: Tiếp tục thực hiện việc thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty với tỷ lệ theo Quyết định 908/QĐ – TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (tỷ lệ thoái vốn Nhà nước là 29% trong năm 2022-2023; Phần vốn nhà nước còn lại (36%) tiếp tục do Bộ Y tế quản lý).

- Tại cuộc họp ngày 01/3/2023 do Thứ trưởng Bộ Y tế chủ trì với sự tham dự của đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục thuế - Bộ Tài chính, đại diện Vụ Kế hoạch Tài chính – Bộ Y tế, Người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng công ty và đại diện Ban Lãnh đạo Tổng công ty, đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến: Đến thời điểm hiện nay Bộ Y tế là đơn vị đại diện chủ sở hữu duy nhất chưa gửi kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2021 - 2025. Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Y tế khẩn trương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4.3. Triển khai đầu tư xây dựng Hệ thống phân phối

Đề án xây dựng hệ thống phân phối đã được Tổng công ty xây dựng và Người đại diện vốn đã báo cáo Bộ Y tế xem xét, cho ý kiến chấp thuận từ tháng 9/2020. Ngày 01/11/2021 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhận được Văn bản số 13193/QLD – KD ngày 28/10/2021 của Cục Quản lý Dược về việc đề án phát triển hệ thống phân phối thuốc. Ngày 05/01/2022 Tổng công ty đã gửi Cục Quản lý Dược Văn bản số 006/TCTD – KHĐT về việc giải trình một số nội dung của Đề án phát triển Hệ thống phân phối thuốc của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP; Trong đó Tổng công ty đã báo cáo giải trình các nội dung được nêu tại Văn bản số 13193/QLD – KD ngày 28/10/2021 của Cục Quản lý Dược. Ngày 01/6/2022, Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhận được Văn bản số 4086/QLD – KD ngày 19/5/2022 của Cục Quản lý Dược trong đó yêu cầu “*khẩn trương cập nhật, hoàn thiện Đề án phát triển hệ thống phân phối thuốc của Tổng công ty để phù hợp với tình hình hiện tại*”; Đồng thời “*Liên hệ với Vụ KHTC để được xem xét giải quyết đề nghị của Người đại diện phân vốn Nhà nước tại Tổng công ty theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ*”.

Sau khi cập nhật các giả định và thông tin thị trường theo chỉ đạo của Cục Quản lý Dược nêu trên, hiệu quả của dự án đã giảm đi rất nhiều so với thời điểm xây dựng Đề án và không đạt được như kỳ vọng. Tuy chỉ số NPV lớn hơn không (0) nhưng chỉ số hiệu quả này của dự án có độ nhạy cao đối với giả định về thị phần chiếm lĩnh, tăng trưởng doanh thu và biên lợi nhuận. Ngoài ra, Tổng công ty chưa đủ nguồn vốn đối ứng để thực hiện dự án do đã thực hiện theo Nghị định 140/2020/NĐ – CP ngày 30/11/2020 của

Chính phủ và Công văn 11079 BYT– KHTC ngày 30/12/2021 của Bộ Y tế, lợi nhuận còn lại của Tổng công ty phải “thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn. Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định”. Do vậy, ngày 06/7/2022, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty đã có văn bản gửi Bộ Y tế về việc cập nhật Đề án xây dựng Hệ thống phân phối và báo cáo việc dùng triển khai đầu tư xây dựng Hệ thống phân phối ở thời điểm hiện tại.

Tại cuộc họp giữa Bộ Y tế với Tổng công ty ngày 02/10/2022, thông báo kết luận của Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên tại cuộc họp ngày 14/2/2023 nêu rõ: “Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP khẩn trương xem xét, nghiên cứu việc tiếp tục xây dựng Đề án hệ thống phân phối thuốc giai đoạn 2023 – 2028, báo cáo Cục Quản lý Dược trong Quý I/2023”.

Tuy nhiên, với các điều kiện hiện tại, việc đầu tư xây dựng các Trung tâm phân phối tập trung, quy mô lớn như Đề án ban đầu sẽ không hiệu quả. Tổng công ty đang tích cực phối hợp với các công ty con (Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1 và Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha) để triển khai hệ thống phân phối của các công ty con theo nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới, trên cơ sở đầu tư mở rộng và nâng cấp hệ thống phân phối hiện có của các công ty.

4.4. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19

Tổng công ty luôn nghiêm túc thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, các chỉ đạo của Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược về việc chuẩn bị nguồn cung nguyên vật liệu, hàng hóa để đáp ứng nhu cầu sản xuất, xuất khẩu và công tác phòng chống dịch.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản hàng hóa, trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 theo Quyết định 1372/QĐ-BYT ngày 26/3/2020 và Quyết định 1726/QĐ-BYT ngày 15/4/2020. Phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Y tế và các đơn vị thành viên trong việc điều chuyển hàng hóa và thanh, quyết toán kinh phí bảo quản, chi phí bảo hiểm hàng hóa, trang thiết bị vật tư phòng chống dịch và tổng hợp báo cáo Bộ Y tế.

Trong quá trình thực hiện, ngày 05/1/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, theo đó các hợp đồng thuê kho được ký giữa Tổng công ty và các công ty con, công ty liên kết bị coi là giao dịch liên kết và bị khống chế chi phí lãi vay ở mức 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động và giảm mạnh lợi nhuận của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Do vậy, Tổng công ty đã có các văn bản báo cáo Bộ Y tế về việc Tổng công ty không tiếp tục thanh toán các chi phí liên quan đến giao nhận kho đối với các hàng hóa, trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid – 19 kể từ ngày 01/7/2022.

Tại cuộc họp giữa Bộ Y tế với Tổng công ty ngày 02/10/2022, Bộ Y tế đề nghị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP tiếp tục hỗ trợ thanh toán chi phí thuê kho cho đến khi chuyển hết số hàng phòng chống dịch về kho của các bệnh viện. Đồng thời, Bộ Y tế sẽ đề nghị Chính phủ kéo dài thời hạn không áp dụng Nghị định 132/2020/NĐ-CP về giao dịch liên kết từ sau 30/6/2022 cho đến khi thực hiện xong việc chuyển hàng phòng chống dịch đến kho của các bệnh viện.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế tại cuộc họp ngày 01/3/2023; Căn cứ Nghị quyết 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc Hội và Nghị quyết 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch Covid-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024, Tổng công ty tiếp tục có văn bản báo cáo và kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, chấp thuận: Trường hợp Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP và các công ty con, công ty liên kết, công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty (“Doanh nghiệp thành viên”) đã hạch toán, theo dõi riêng chi phí để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, vận chuyển (trong trường hợp cần thiết) các hàng hóa, vật tư, trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất sinh phẩm để phòng, chống dịch Covid-19 thì khoản chi phí này được xác định là kinh phí đóng góp cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Khoản kinh phí này được phép miễn trừ theo quy định không chế lãi vay quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ – CP, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 44/2021/NĐ – CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ. Các nội dung này được áp dụng từ thời điểm Bộ Y tế bắt đầu giao nhiệm vụ cho Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đến ngày Bộ Y tế điều chuyển hết hàng hóa về kho của Bộ Y tế.

4.5. Thực hiện các nội dung tăng cường hợp tác giữa Vinapharm và Sanofi

- Về việc chuyển nhượng 37 nhãn hiệu hàng hóa từ Sanofi - Synthelabo Việt Nam sang Sanofi Việt Nam và Tập đoàn Sanofi (Pháp): Tổng công ty, Công ty CPDP Sanofi – Synthelabo Việt Nam đã báo cáo, xin ý kiến chấp thuận chủ trương của Bộ Y tế về việc chuyển nhượng 37 nhãn hiệu hàng hóa như trên bằng văn bản và tại các cuộc họp.

- Đề nghị Sanofi hỗ trợ và tạo điều kiện để các công ty con (CPC1 và Codupha) của Tổng công ty thực hiện/tiếp tục thực hiện phân phối các sản phẩm của Sanofi.

4.6. Tổ chức thành công các Hội nghị do Tổng công ty chủ trì

a. Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Tổng công ty Dược Việt Nam và đón nhận Huân chương lao động hạng Nhất.

Ngày 28/6/2022 tại Hà Nội, Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP và đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất đã diễn ra thành công tốt đẹp. Ghi nhận những cống hiến và các thành tựu của Tổng công ty trong thời gian qua, Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP vinh dự và tự hào được đón nhận phần thưởng cao quý do Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng - Huân chương Lao động hạng Nhất.

Tại buổi Lễ, Chủ tịch nước đã ghi nhận những đóng góp của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nói riêng và ngành Y tế nói chung trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Đặc biệt những cống hiến của ngành Y tế trong công tác phòng chống dịch COVID-19.

Bên cạnh đó, tại Lễ kỷ niệm, Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP cùng 07 doanh nghiệp thành viên (bao gồm Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha, Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam, Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, Công ty cổ phần Dược phẩm OPC, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha) đón nhận Quyết định của Bộ Y tế khen thưởng thành tích các tập thể, cá nhân của Tổng công ty.

b. Hội nghị đối thoại giữa Bộ Y tế và Doanh nghiệp Dược năm 2022

Ngày 24/3/2022 tại thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế, Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đã phối hợp với Cục Quản lý Dược tổ chức thành công Hội nghị đối thoại giữa Bộ Y tế và Doanh nghiệp Dược năm 2022. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tiếp và kết nối trực tuyến đến 340 điểm cầu trên cả nước. Đây là lần đầu tiên, Bộ Y tế tổ chức Hội nghị nhằm lắng nghe trực tiếp các ý kiến, kiến nghị của các Doanh nghiệp Dược, qua đó có những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sự phát triển của các Doanh nghiệp Dược Việt Nam.

Với thông điệp: Bộ Y tế luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, giải quyết thấu đáo những kiến nghị, đề xuất chính đáng từ phía doanh nghiệp, và tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết những kiến nghị vượt thẩm quyền của Bộ Y tế. Hội nghị đối thoại giữa Bộ Y tế và Doanh nghiệp Dược năm 2022 đã thành công tốt đẹp và là cơ sở để tổ chức các Hội nghị tương tự trong thời gian tới.

c. Hội thảo “Toàn cầu hóa ngành Dược sinh học Việt Nam”

Ngày 17/8/2022 tại Hà Nội, Hội thảo kết nối ngành dược sinh học của Việt Nam với thế giới do Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (Vinapharm) phối hợp cùng Ông Joseph Damond và cộng sự tổ chức đã diễn ra thành công tốt đẹp với sự tham gia của Đại diện Cục Quản lý Dược, Đại diện Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, Hiệp hội các doanh nghiệp Dược Việt Nam, đại diện của Pharma Groups, Green Pharma, và đại diện lãnh đạo các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP, các doanh nghiệp thành viên của Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam.

Hội thảo này chính là cơ hội để các doanh nghiệp Dược trong nước được tiếp cận thông tin chuyên sâu về lĩnh vực dược sinh học, gợi mở ra các kế hoạch phát triển mới cho doanh nghiệp và từng bước hội nhập với ngành dược sinh học của thế giới trong sự dẫn dắt, hỗ trợ từ cơ quan quản lý bộ ngành trong nước và các chuyên gia hàng đầu trên thế giới.

d. Các Hội nghị và sự kiện khác

- Hội nghị tổng kết năm 2021, triển khai kế hoạch năm 2022.
- Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2022, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022.
- Hội thao và hội diễn văn nghệ chào mừng 50 năm thành lập Tổng công ty và 65 năm thành lập Công đoàn Y tế Việt Nam.

4.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác

- Tăng cường hợp tác quốc tế:

+ Tháng 5/2022, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tham gia hoạt động kết nối đầu tư kinh doanh tại Hoa Kỳ nhân dịp Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tham dự Hội nghị thượng đỉnh ASEAN tại Hoa Kỳ. Hoạt động này nhằm mục đích tìm kiếm cơ hội hợp tác với các công ty dược phẩm Hoa Kỳ trong lĩnh vực chuyển giao biệt dược gốc, cung cấp thuốc cho Hệ thống phân phối của Tổng công ty và triển khai ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của Tổng công ty và các Công ty con.

+ Ngày 13/11/2022 Ban Lãnh đạo Tổng công ty đã tham dự Hội nghị bàn tròn doanh nghiệp Việt Nam – Đức diễn ra dưới sự chủ trì của Thủ tướng hai nước trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Cộng hòa Liên bang Đức. Trong và sau Hội nghị, Tổng công ty, đại diện Tập đoàn Uhlmann (Đức) cùng các đối tác của Tập đoàn Uhlmann đã trao đổi nhiều lần về khả năng hợp tác, kết nối giữa các bên.

- Tích cực triển khai và ứng dụng Công nghệ số trong hoạt động của Tổng công ty.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Tổng công ty được vinh danh Top 10 công ty Dược uy tín năm 2022 - nhóm ngành phân phối, kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị, vật tư y tế và Tổng công ty xếp thứ 266 trong danh sách Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (VNR500).

B. KẾ HOẠCH MỤC TIÊU NĂM 2023

I. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP từ Bộ Y tế sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Văn bản 471/TTg – ĐMDN ngày 27/5/2023 về việc “đồng ý chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP từ Bộ Y tế về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước”.

Ngày 02/6/2023, Bộ Y tế và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đã ký Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP hiện nay là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

II. Dự báo ngành dược năm 2023

Năm 2023, doanh thu ngành dược Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng 8%, đạt 169 nghìn tỷ đồng (7,2 tỷ USD). Sau đại dịch, các khía cạnh của nền kinh tế dần ổn định trở lại, nhưng suy thoái kinh tế có thể làm đình trệ chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe. Nửa đầu năm 2023 sẽ là khoảng thời gian khó lường đối với nguồn cung hoạt chất (API) và tá dược do khoảng 65% API được sử dụng trong việc sản xuất thuốc tại Việt Nam là từ Trung Quốc. Quá trình mở cửa chậm chạp của quốc gia này khiến tình trạng thiếu hụt vẫn có thể xảy ra. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga-Ukraine vẫn đang tiếp diễn, các hoạt chất và thuốc nhập khẩu từ Châu Âu có nguy cơ bị thiếu hụt. Các công ty có thể sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước sẽ giành được vị thế tốt hơn. Các doanh nghiệp dược phẩm lớn của Việt Nam vẫn tiếp tục định hướng theo đuổi mục tiêu đạt chuẩn EU GMP cho các cơ sở sản xuất. Các doanh nghiệp kỳ vọng sẽ đấu thầu được sản phẩm với giá cao hơn trước nhưng vẫn thấp hơn nhiều loại thuốc nhập khẩu thuộc nhóm này, đồng thời giảm áp lực cạnh tranh.

Vietnam Report chỉ ra 4 xu hướng chính định hình thị trường dược phẩm trong giai đoạn “bình thường tiếp theo”:

- Thứ nhất là điều hướng “bình thường tiếp theo”. Đại dịch Covid-19 đã gây áp lực lớn lên ngân sách chăm sóc sức khỏe toàn cầu do phải triển khai các chiến dịch vắc-xin lập đi lập lại. Tuy nhiên ở thời điểm hiện tại, khi các sáng kiến ban đầu về vắc-xin đã được thiết lập, ngành dược phẩm đang chuyển hướng sự chú ý sang quá trình phục hồi hậu Covid-19. Điều này có thể sẽ tạo ra những thay đổi cơ bản trong cách thức hoạt động của toàn ngành.

- Thứ hai là tầm quan trọng của sự ổn định chuỗi cung ứng. Đại dịch đã củng cố mạnh mẽ rằng chuỗi cung ứng có thể gặp rủi ro đáng kể khi phụ thuộc quá mức vào một

điểm. Điều này đã khiến nhiều hãng dược buộc phải xem xét chuyển các trung tâm sản xuất-cung ứng đến gần thị trường cuối cùng của mình.

- Thứ ba là chuyển từ điều trị sang phòng ngừa. Để bền vững trong dài hạn, rõ ràng các chiến lược chăm sóc sức khỏe phải tập trung vào phòng bệnh hơn là chữa bệnh. Thay vì ưu tiên điều trị những người đã bị bệnh và chỉ phát triển vắc-xin cho các bệnh truyền nhiễm, xu hướng tập trung vào việc phòng ngừa và khám phá tiềm năng của vắc-xin trong các bệnh không lây nhiễm, chẳng hạn như một số bệnh ung thư được dự báo sẽ gia tăng trong thời kỳ bình thường tiếp theo.

- Thứ tư là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Ngành dược phẩm đã vượt qua thách thức lớn nhất mà Covid-19 đặt ra, thể hiện qua sự đổi mới nhanh chóng và các công nghệ mới được phát triển trong thời kỳ khủng hoảng - chẳng hạn như vắc-xin dựa trên mRNA.

Bên cạnh đó, ba chiến lược mà doanh nghiệp dược dự kiến sẽ tập trung trong giai đoạn bình thường tiếp theo bao gồm: (1) Nghiên cứu các sản phẩm thuốc mới, phát triển các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên; (2) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (3) Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Ngành Dược cũng đang đón nhận một số thông tin tích cực từ phía các cơ quan quản lý. Chính phủ và Bộ Y tế đang nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác đấu thầu cho các đơn vị y tế công lập và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dược tại Việt Nam. Ngày 20/9/2022, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký Chỉ thị số 16/CT-TTg nêu rõ các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Y tế sửa đổi nhanh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, bất cập trong chính sách y tế, trước mắt là các vấn đề về mua sắm, đấu thầu, bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế, thanh toán chi phí bảo hiểm y tế. Bộ Y tế đã ban hành một số văn bản pháp luật có tác động tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dược trong nước nói chung và Tổng công ty nói riêng:

(1) **Thông tư số 07/2022/TT-BYT** quy định thuốc phải thử tương đương sinh học và các yêu cầu đối với hồ sơ báo cáo số liệu nghiên cứu tương đương sinh học trong đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam ban hành ngày 05/9/2022, có hiệu lực từ ngày 01/11/2022. Theo đó, số lượng hoạt chất và dạng bào chế bắt buộc thử BE tăng thêm 14 hoạt chất. *Đây là một yếu tố thuận lợi ảnh hưởng tích cực đối với hoạt động BE của Tổng công ty.*

(2) **Thông tư số 08/2022/TT-BYT** quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc ban hành ngày 05/9/2022, có hiệu lực từ ngày 20/10/2022. Trong đó một số trường hợp sẽ được thực hiện theo quy trình thẩm định nhanh, thẩm định rút gọn (Điều 33) đem lại kỳ vọng giảm bớt thời gian xin cấp, gia hạn số đăng ký.

(3) Bộ Y tế cũng đang tiếp tục lấy ý kiến để ban hành **Thông tư sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực mua sắm, đấu thầu thuốc...**; Thứ trưởng Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên đã ký ban hành Thông tư số 14/2022/TT-BYT về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật, trong đó bãi bỏ Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2020/TT-BYT quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập có hiệu lực từ ngày 6/12/2022 và 05 văn bản quy phạm pháp luật khác. Theo đó, **quy định phải tham khảo giá trang thiết bị y tế trúng thầu trong vòng 12 tháng được bãi bỏ** kỳ vọng sẽ tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong xây dựng giá gói thầu mua sắm vật tư, trang thiết bị y tế,

bảo đảm mua sắm kịp thời trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho người dân.

(4) Bộ Y tế cũng đã có đề xuất sẽ xây dựng luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, thủ tục hành chính rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp, làm chậm tiếp cận thuốc của người dân,... Ví dụ như quy định về việc gia hạn số đăng ký thuốc: Cục Quản lý Dược đề xuất sửa các quy định về gia hạn thuốc theo hướng Bộ Y tế thực hiện gia hạn giấy đăng ký lưu hành mà không yêu cầu thẩm định trình Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành, tiến tới gia hạn theo cơ chế tự động mà một số nước đã áp dụng...

(5) Ngay sau khi Quốc hội khoá XV chính thức thông qua việc tiếp tục sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 1/1/2023 mà chưa kịp gia hạn theo quy định của Luật Dược, Cục Quản lý Dược đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023, Quyết định số 136/QĐ-QLD ngày 01/03/2023, Quyết định số 225/QĐ-QLD ngày 03/04/2023 và Quyết định số 302/QĐ-QLD ngày 27/4/2023 về việc công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội.

(6) Đối với quy định tại khoản 10 Điều 91 Nghị định 54, Bộ Y tế vẫn giữ nguyên quan điểm bảo hộ quyền phân phối của các doanh nghiệp dược trong nước.

(7) Ngày 03/3/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định 07/2023/NĐ – CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ – CP về quản lý trang thiết bị y tế.

(8) Ngày 04/03/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 30/NĐ-CP về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế với các điểm mới quan trọng như: (i) Sửa đổi quy định về thanh toán bảo hiểm y tế; (ii) Cho phép thay đổi xác định giá các gói thầu mua sắm y tế; (iii) Cho phép chủ đầu tư xem xét, quyết định việc giao Hội đồng Khoa học của đơn vị thực hiện việc xây dựng tính năng, cấu hình kỹ thuật theo yêu cầu chuyên môn của đơn vị; (iv) Cho phép các cơ sở y tế được sử dụng các trang thiết bị y tế đã được cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ (bao gồm các trang thiết bị y tế liên doanh, liên kết đã hết thời hạn hợp đồng) nhưng chưa hoàn thành thủ tục xác lập sở hữu toàn dân để khám bệnh, chữa bệnh.

(9) Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp và Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đầu thầu, Danh mục thuốc đầu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá: (i) Sửa đổi, bổ sung Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Loại 11 thuốc khô Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT; Cập nhật, điều chỉnh thông tin nồng độ/hàm lượng và đơn vị tính của 02 thuốc tại Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT; (ii) Cập nhật, điều chỉnh một số thông tin thuốc tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đầu thầu, Danh mục thuốc đầu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

III. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Với các thông tin dự báo như trên và trên cơ sở báo cáo kế hoạch năm 2023 của các công ty thành viên, Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023		So với TH năm trước (%)	
		Tổng hợp	Hợp nhất	Tổng hợp	Hợp nhất	Tổng hợp	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu và thu nhập	175.149	5.671.705	276.792	5.917.803	158,03%	104,34%
2	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		82.304		93.550		113,66%
3	Lợi nhuận trước thuế	27.580	131.904	211.824	334.519	768,03%	253,61%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức ^(*)			5%			

(*) HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét và quyết định.

(1) Kế hoạch kinh doanh tổng hợp năm 2023 của Tổng công ty dự kiến là 276,8 tỷ đồng Tổng doanh thu và 211,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương đương tăng trưởng 58,0% và 668,0% so với thực hiện năm 2022.

Kế hoạch tổng doanh thu tổng hợp của Tổng công ty năm 2023 tăng trưởng so với thực hiện năm 2022 nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính, cụ thể:

- Doanh thu từ cổ tức tăng 80,9 tỷ đồng so với thực hiện năm 2022 do một số công ty chi trả cổ tức bằng tiền trong năm 2023 cao hơn so với năm trước, như: Công ty CP Sanofi Việt Nam, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3, Công ty CP Dược Trung ương Vidipha, Công ty CP Dược phẩm OPC.

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng tăng 13,3 tỷ đồng so với thực hiện năm 2022.

Kế hoạch doanh thu tổng hợp của Tổng công ty năm 2023 không bao gồm khoản thu nhập khác đến từ việc chuyển nhượng 37 nhãn hiệu của Công ty CP Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam (75,4 tỷ đồng) do Sanofi cần phải thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và khó có thể hoàn tất trong năm 2023.

(2) Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty là 5.917,8 tỷ đồng doanh thu và 334,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương đương 104,3% và 253,6% thực hiện năm 2022.

IV. Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện

1. Đầu tư tài chính

Quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp thành viên theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ, quy định

của Tổng công ty. Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông tại Tổng công ty cũng như vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp thành viên.

Xây dựng đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 - 2026 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Nghiên cứu phương án để tăng tỷ lệ sở hữu tại các đơn vị thành viên có tốc độ tăng trưởng tốt, tỷ lệ cổ tức cao, định hướng phát triển bền vững; Đồng thời Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp được ngoài danh mục các đơn vị thành viên hiện tại để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trên thị trường; Rà soát, nghiên cứu, đánh giá và xem xét việc thoái vốn của Tổng công ty tại những công ty hoạt động kém hiệu quả và/hoặc không phù hợp chiến lược phát triển của Tổng công ty nhằm thu hồi vốn đầu tư và sử dụng nguồn vốn này để đầu tư vào các công ty/dự án khác có hiệu quả cao hơn.

Hỗ trợ Công ty CP Dược phẩm Sanofi - Synthelabo VN (SSV) thực hiện các thủ tục chuyển nhượng 37 nhãn hiệu và giải thể Công ty. Triển khai mua tiếp 15% cổ phần của Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam ngay khi Công ty SSV hoàn thành thủ tục giải thể.

2. Công tác thoái vốn Nhà nước

Như đã báo cáo tại Mục B.II, đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty hiện nay là SCIC. Việc thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Tổng công ty thực hiện xây dựng đề án tái cơ cấu trình SCIC; Trên cơ sở báo cáo của Tổng công ty, SCIC sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án sắp xếp doanh nghiệp.

3. Rà soát công tác quản trị doanh nghiệp sau khi chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp, ... Đồng thời, xây dựng các quy trình, quy chế theo nhu cầu quản trị của Tổng công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Rà soát, tổng hợp và báo cáo SCIC các khó khăn, vướng mắc của Tổng công ty và các công ty con của Tổng công ty trong quá trình hoạt động..

- Tiếp tục báo cáo, kiến nghị cơ quan thẩm quyền giải quyết các nội dung còn tồn đọng của Tổng công ty: (i) Báo cáo/ phối hợp với Bộ Y tế để xử lý nghiệm thu, thanh toán các khoản tiền Tổng công ty đã chuyển để Bộ Y tế thực hiện thanh toán cho dịch vụ triển khai trong quá trình thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty; (ii) Báo cáo Bộ Y tế việc Tổng công ty không tiếp tục chi trả chi phí thuê kho để lưu trữ, bảo quản hàng hóa, trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19 từ 01/7/2023; Đồng thời đề nghị Bộ Y tế nhanh chóng thực hiện việc điều chuyển hàng hóa từ các kho hiện do Tổng công ty thuê về kho của Bộ Y tế; (iii) Báo cáo, kính đề nghị SCIC kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên đã hạch toán, theo dõi riêng chi phí để thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao thì khoản chi phí này được xác định là kinh phí đóng góp cho công tác phòng, chống dịch của Vinapharm và doanh nghiệp thành viên, được phép khấu trừ vào chi phí chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 132/2020/NĐ – CP, Nghị định 44/2021/NĐ – CP. Nội dung này được áp dụng từ thời điểm Bộ Y tế bắt đầu giao nhiệm vụ cho Vinapharm đến ngày Bộ Y

tế điều chuyển hết hàng hóa về kho của Bộ Y tế; (iv) Tiếp tục báo cáo, kiến nghị Bộ Y tế chỉ đạo phương án xử lý đối với hàng Tamiflu, Oseltamivir, Remdesivir phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid – 19 đang được bảo quản tại kho của Tổng công ty và các công ty con của Tổng công ty; (v) Tiếp tục báo cáo, kiến nghị, thực hiện các thủ tục để đổi tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 178 Điện Biên Phủ và 126 Trần Quốc Thảo, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế

Triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, Quyết định số 376/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/3/2021 về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, được liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đặc biệt là các giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế,

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2023 – 08/6/2023 đại diện Tổng công ty tham gia đoàn công tác của Bộ Y tế tham dự Hội nghị sinh học quốc tế tổ chức tại Boston, Hoa Kỳ.

Tổng công ty tích cực mở rộng mối quan hệ với các đối tác quốc tế với các mục tiêu: (i) Tìm kiếm các cơ hội hợp tác liên quan đến việc chuyển giao biệt dược gốc, chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm dược sinh học, chuyển giao/chuyển nhượng các sản phẩm cho các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty/doanh nghiệp dược Việt Nam sản xuất với mục tiêu người dân Việt Nam được sử dụng nguồn dược phẩm với chất lượng tốt, tiêu chuẩn cao và giá thành hợp lý và/hoặc; (ii) Tìm kiếm các sản phẩm phù hợp để các công ty con của Tổng công ty thực hiện phân phối tại Việt Nam.

5. Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, được sự chấp thuận của Bộ Y tế, ngày 08/5/2023 tại Hà Nội, Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, Ông Joseph Damond, người từng giữ chức vụ Phó Trợ lý Đại diện Thương mại Hoa Kỳ phụ trách các vấn đề Châu Á – Thái Bình Dương, Trưởng đoàn đàm phán Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ, Phó Chủ tịch Viện nghiên cứu Dược phẩm và các nhà sản xuất Hoa Kỳ, Phó tổng giám đốc phụ trách đối ngoại của hãng dược phẩm Pfizer tại Washington, Phó Giám đốc chính sách và Phó Chủ tịch điều hành phụ trách các vấn đề quốc tế tại Tổ chức công nghiệp công nghệ sinh học (BIO); Đồng thời là người khởi xướng và là Giám đốc điều hành đầu tiên của Hội đồng công nghệ sinh học Quốc tế được thành lập năm 2014, hiện là Chủ tịch cố vấn toán cầu Y tế Edelman và các cộng sự đã phối hợp tổ chức thành công buổi Thảo luận “Toàn cầu hóa ngành Dược sinh học Việt Nam”. Buổi Thảo luận có sự tham dự của Ông Đỗ Xuân Tuyên – Phó Bí thư Ban cán sự Đảng, Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế, đại diện các Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Y tế, các Ông/Bà đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam, đại diện PharmaGroup, Ban Lãnh đạo Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, đại diện lãnh đạo các Doanh nghiệp thuộc Bộ Y tế, các Doanh nghiệp dược là thành viên của Tổng công ty Dược Việt Nam, Hiệp Hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam và các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực Dược phẩm tại Việt Nam. Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế Đỗ Xuân Tuyên đánh giá: “tại Việt Nam, dược sinh học là một ngành còn rất mới và từ trước đến

nay chưa có nghiên cứu chính thức nào về thực trạng ngành dược sinh học; Dự án nghiên cứu với những khuyến nghị của Ông Joseph Damond và các cộng sự cũng như việc tham gia Hội nghị sinh học quốc tế tổ chức tháng 6/2023 tại Boston Hoa Kỳ sẽ rất hữu ích cho việc hiện thực hóa các chính sách phát triển ngành dược sinh học Việt Nam nói chung, sự phát triển của mỗi doanh nghiệp dược Việt Nam nói riêng; Đồng thời góp phần vào việc nâng cao nhận thức và năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong thị trường dược sinh học toàn cầu, góp phần đưa công nghiệp dược sinh học trở thành lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt là thu hút các nhà đầu tư trên thế giới (nhất là từ Hoa Kỳ) đầu tư phát triển ngành sinh dược học Việt Nam”.

Tổ chức Hội nghị Người đại diện phần vốn và tổng kết năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023; Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2023, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 nhằm tổng kết, đánh giá, rút ra những bài học kinh nghiệm từ kết quả đã đạt được, qua đó thảo luận, tìm ra những giải pháp, phương hướng hoạt động cho giai đoạn tiếp theo.

- Phối hợp với Cục Quản lý Dược tiếp tục triển khai và tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Bộ Y tế và các Doanh nghiệp Dược (lần 2) theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Y tế nhằm tiếp tục đưa ra những giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp Dược Việt Nam.

- Tổ chức tập huấn một số chính sách mới về thuế, cập nhật các nội dung về tài chính, kế toán cho các Doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

6. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh tại Trung tâm NC&PT Khoa học Công nghệ Dược (BE) và Trung tâm Dược Mỹ phẩm, sớm chấm dứt tình trạng kinh doanh chưa hiệu quả.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

- Tích cực triển khai và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của Tổng công ty. Thực hiện xây dựng website mới chuyên nghiệp, hiện đại.

V. Giải pháp thực hiện

1. Phát huy hiệu quả các nguồn lực

- Về nhân lực: Hoàn thiện, kiện toàn lại bộ máy tổ chức phù hợp với thực tế; Triển khai áp dụng các mô hình quản trị, quản lý hiện đại; Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự, đổi mới phương pháp làm việc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu năng suất lao động.

- Về tài chính: Rà soát, xem xét và lập kế hoạch dòng tiền để nâng cao hiệu quả sử dụng, đáp ứng đủ tài chính cho các dự án đầu tư.

Tăng cường nắm bắt các thông tin thị trường, phân tích, đánh giá các cơ hội đầu tư.

2. Về công tác đầu tư

2.1. Về đầu tư tài chính

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn cũng như hiệu quả vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên.

- Thực hiện mua thêm cổ phần của các doanh nghiệp thành viên có kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo lợi ích của Tổng công ty.

- Thực hiện rà soát, xây dựng phương án tái cơ cấu, thoái vốn, sắp xếp lại các công ty liên kết kinh doanh không có hiệu quả theo quy định.

2.2. Về khai thác các quỹ đất

- Cập nhật tình hình, theo sát các chỉ đạo của các cơ quan quản lý Nhà nước để triển khai đổi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng kế hoạch khai thác hiệu quả các khu đất của Tổng công ty.

- Đầu tư sửa chữa các cơ sở nhà đất hiện đang quản lý sử dụng để sử dụng và cho thuê. Chuyển nhượng hoặc cho thuê các căn hộ, sàn thương mại tại 60B Nguyễn Huy Tưởng.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với Sanofi và các doanh nghiệp thành viên khác

- Tiếp tục thúc đẩy, tăng cường hợp tác với Sanofi cũng như các công ty dược đa quốc gia khác để tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đặc biệt về vấn đề chuyển giao biệt dược gốc.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp lực đầu tư với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty trong việc sản xuất các thuốc chuyển giao công nghệ, các thuốc có dạng bào chế công nghệ cao...

4. Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới của Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan khác

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế và các vụ, cục có liên quan trong việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó tập trung ưu tiên các nội dung, giải pháp về các chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng thuốc chuyên khoa đặc trị, thuốc có dạng bào chế đặc biệt, nghiên cứu thuốc có nguồn gốc từ dược liệu Việt Nam mang thương hiệu quốc gia và quy hoạch hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả.

5. Nghiên cứu triển khai và ứng dụng các công nghệ số vào các hoạt động thực tiễn của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên; Áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật cao, các mô hình quản trị hiện đại góp phần tạo ra các giá trị bền vững của doanh nghiệp.

VI. Nhân sự

Về nhân sự chức danh kế toán trưởng:

Ngày 21/4/2023 Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định 020/QĐ – TCTD về việc tuyển dụng và bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, theo đó Bà Lữ Thị Khánh Trân đã được tuyển dụng và bổ nhiệm là Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Tổng công ty, thời gian đi làm và giữ chức vụ từ ngày 24/4/2023.

Việc tuyển dụng và bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Tổng công ty đối với Bà Lữ Thị Khánh Trân đã được công bố theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trang thông tin điện tử của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2022, trong các năm tiếp theo Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố năng lực quản trị, phát huy vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, đưa ra các giải pháp trọng tâm phù hợp và linh hoạt trong từng giai đoạn, thời điểm, hướng tới hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, đáp ứng sự phát triển của Tổng công ty và sự mong đợi của các Cổ đông.

Chúng tôi tin tưởng rằng cùng với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Tổng công ty sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 với mục tiêu phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành đạt và lời cảm ơn chân thành vì sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông với Tổng công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sơn

C.P



**TỔNG CÔNG TY
DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**
Số: 368/TCTD-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

**Kính thưa: - Quý vị Đại biểu;
- Quý vị cổ đông**

Thay mặt Ban Kiểm soát tôi xin trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP,

Chúng tôi Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, gồm các nội dung:

- Kiểm soát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022;
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2022;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022.

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 với các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty. Các hoạt động tập trung chủ yếu thực hiện các nội dung công việc sau:

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần, hàng tháng với Ban lãnh đạo Tổng công ty để nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh, những định hướng chiến lược kinh doanh, các giải pháp thực hiện và tham gia ý kiến đối với các nội dung của cuộc họp, đảm bảo các

hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ luật pháp và Điều lệ của Tổng công ty.

- Trong năm 2022 Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi đánh giá đối với các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành của Tổng công ty phục vụ cho mục đích kiểm soát của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp riêng để tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo các chức năng đã được quy định và thống nhất đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kế toán tài chính của Tổng công ty năm 2022.

- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022; Việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Điều hành. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Giám sát việc thực hiện chính sách chế độ trong hoạt động kinh doanh, trong hạch toán kế toán, nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong công tác quản lý của Tổng công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và Báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2022.

- Tham gia xây dựng và có ý kiến đề hoàn thiện đối với các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản trị điều hành của Tổng công ty và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế đã ban hành.

- Về kết quả giải quyết các khiếu nại và kiến nghị của cổ đông: Trong năm 2022 Ban Kiểm soát trực tiếp nhận được 01 kiến nghị của cổ đông về danh sách cổ đông của Tổng công ty tại ngày 30/6/2022 và Ban Kiểm soát đã giải đáp kịp thời ý kiến kiến nghị của cổ đông. Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp giải quyết 01 kiến nghị của cổ đông liên quan đến công tác quản trị điều hành và tổ chức ĐHCĐ của Tổng công ty năm 2022, 01 Đơn khiếu nại của nhân sự tại Trung tâm Dược mỹ phẩm và 01 kiến nghị liên quan đến việc ký hợp đồng hợp tác với Công ty CP đầu tư xây dựng Sông Hồng để đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư 95 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2022

1. Về kiểm soát công tác quản trị và điều hành

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Ban Kiểm soát chúng tôi thống nhất các nội dung đánh giá về công tác quản trị điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong Báo cáo của HĐQT đã trình Đại hội.

- Năm 2022 HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 98 Nghị quyết, 17 Quyết định.

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và tuân thủ pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, và các quy định của pháp luật.

b) Hoạt động của Ban Điều hành

- Trong năm 2022, Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ban Kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

c) Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm Soát với HĐQT và Ban Điều hành

- Năm 2022 Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Tổng công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

- Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

2.1. Kết quả kinh doanh tổng hợp

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
					So với NT	So với KH
1	Tổng doanh thu	273.860	140.702	175.149	64,0%	124,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	243.758	74.968	27.580	11,3%	36,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	243.758	-	27.580	11,3%	-

2.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh %	
					Với NT	Với KH
1	Tổng doanh thu	4.989.550	5.686.415	5.671.705	113,7%	99,7%
2	Phần lãi trong công ty	90.499	70.342	82.304	90,9%	117,0%

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh %	
					Với NT	Với KH
	liên doanh, liên kết					
3	Lợi nhuận trước thuế	234.445	159.060	131.904	56,3%	82,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	217.351		110.373	50,8%	-

3. Về việc thực hiện các nội dung khác Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

3.1. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

3.2. Về việc phân phối lợi nhuận:

- Về cổ tức: Tổng công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2021 là 7% theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Về trích lập các quỹ: Công ty đã thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng phương án phân phối lợi nhuận đã trình và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Trích Quỹ Đầu tư phát triển 73,1 tỷ đồng và Quỹ Khen thưởng Phúc lợi là 5,9 tỷ đồng.

3.3. Về việc thực hiện tiền lương của Cán bộ quản lý, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát:

Tổng công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương của cán bộ quản lý, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát là 53.000.000 đồng/tháng và thù lao của thành viên Ban Kiểm soát là 3.000.000 đồng/tháng.

4. Về thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2022 và tình hình thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty:

Trên cơ sở kiểm tra số liệu và giải trình chi tiết của Ban lãnh đạo Tổng công ty tại BCTC hợp nhất và BCTC tổng hợp, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán và xác nhận các nội dung như sau:

- BCTC của Tổng công ty đã được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành;

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty;

- Các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan quản lý và nhà đầu tư.

4.1. Bảng cân đối kế toán

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập về các số liệu tài sản ngày 31/12/2022. Chúng tôi đã xem xét các biến động về tài sản, nguồn vốn và các khoản nợ trong kỳ trên BCTC hợp nhất với một số điểm đánh giá, nhận xét và lưu ý như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 31/12/22	So với đầu năm	Đánh giá, nhận xét
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.766.572	0%	
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.454	-57,0%	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm là 83,454 tỷ đồng giảm mạnh so với đầu năm (tương đương giảm 57,0%) chủ yếu là biến động giảm tại Công ty mẹ. Biến động này phù hợp với yêu cầu về việc lập kế hoạch dòng tiền đầy đủ và quản lý chặt chẽ, hiệu quả tài sản, tiền vốn trong sản xuất, kinh doanh.
Đầu tư tài chính ngắn hạn	634.550	-5,7%	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 38,5 tỷ đồng, tương đương 5,7%.
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.826.739	1,3%	Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1,3%. Trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 23,2 tỷ, tương đương 2,6%.
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.723.321	2,6%	<i>Chúng tôi tiếp tục lưu ý Tổng công ty và đặc biệt là các công ty con cần tiếp tục tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ để giảm bị chiếm dụng vốn, giảm chi phí vốn và giảm thiểu rủi ro phát sinh nợ khó đòi.</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	39.461	113,0%	Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 20,9 tỷ đồng, tương đương 113,0%.
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	24.130	29,0%	Dự phòng phải thu ngắn hạn tăng 5,4 tỷ đồng, tương đương 29,0%. Đây là mức tăng tương đối cao và tập trung chủ yếu tại Codupha. Chúng tôi lưu ý Tổng công ty và

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 31/12/22	So với đầu năm	Đánh giá, nhận xét
			các công ty con cần tiếp tục có biện pháp tích cực thu hồi dứt điểm khoản phải thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
Hàng tồn kho	1.187.617	12,2%	Giá trị hàng tồn kho cuối 2022 tăng 129,2 tỷ đồng, tương đương 12,2% so với năm 2021.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.635	28,4%	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng 6,3 tỷ đồng, tương đương 28,4% so với đầu năm. Đây là mức tăng tương đối cao và tập trung chủ yếu tại Codupha. Chúng tôi lưu ý Tổng công ty và các công ty con cần quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác bán hàng, giảm rủi ro hàng chậm luân chuyển, giảm chất lượng dẫn tới phải lập dự phòng hàng tồn kho.
Tài sản ngắn hạn khác	34.211	-12,0%	Tài sản ngắn hạn khác giảm 12,0% so với đầu năm.
TÀI SẢN DÀI HẠN	2.011.452	-4,0%	Tổng giá trị tài sản dài hạn giảm 4%
Các khoản phải thu dài hạn	1.707	-1,9%	
Tài sản cố định	319.952	-3,4%	
Tài sản cố định hữu hình	208.083	-4,4%	
TSCĐ vô hình	111.869	-1,4%	
Bất động sản đầu tư	49.859	6334,7%	Giá trị bất động sản đầu tư tăng là do chuyển ghi nhận từ hàng hóa bất động sản sang Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang dài hạn	1.772	-69,4%	Tài sản dở dang giảm 69,4% chủ yếu là hạch toán giảm chi phí đầu tư xây dựng kết chuyển thành TSCĐ theo quy định.
Đầu tư tài chính dài	1.606.341	-6,6%	

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 31/12/22	So với đầu năm	Đánh giá, nhận xét
hạn			
Đầu tư vào các công ty liên kết	840.488	-5,5%	Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết (PP vốn chủ) giảm 5,5% chủ yếu là do Tổng công ty hạch toán giảm giá trị đầu tư từ khoản cổ tức nhận được từ Công ty CP Dược phẩm Sanofi – Synthelabo (SSV) là 89,9 tỷ đồng. Công ty SSV đang thực hiện các thủ tục để giải thể theo quy định.
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	862.750	3,5%	
Dự phòng đầu tư dài hạn	96.897	2224,3%	Dự phòng đầu tư dài hạn cuối năm là 96,9 tỷ đồng, tăng 92,7 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu là việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (91,7 tỷ đồng) do cổ phiếu của một số công ty thành viên trên sàn giao dịch chứng khoán giảm giá mạnh so với đầu năm. Đây là nguyên nhân khách quan và Tổng công ty không kiểm soát được. Công ty CPC1 phát sinh trích lập dự phòng tăng 1 tỷ đồng.
Tài sản dài hạn khác	31.820	-11,3%	
Chi phí trả trước dài hạn	31.820	-11,3%	Chi phí trả trước dài hạn giảm 11,3%, do phân bổ vào chi phí trong năm.
TỔNG TÀI SẢN	5.778.024	-1,4%	Tổng tài sản cuối năm 2022 là 5.778 tỷ đồng, giảm 84 tỷ đồng, tương đương 1,4% so với đầu năm.
NỢ PHẢI TRẢ	3.012.502	5,1%	Nợ phải trả tăng 145,1 tỷ đồng tương đương 5,1% chủ yếu do tăng khoản phải trả ngắn hạn người bán
Nợ ngắn hạn	2.946.015	4,6%	

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 31/12/22	So với đầu năm	Đánh giá, nhận xét
Phải trả người bán ngắn hạn	1.840.388	24,7%	Phải trả người bán ngắn hạn tăng 364,3 tỷ đồng, tương đương 24,7%.
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	46.320	-20,4%	
Vay ngắn hạn	988.493	-16,4%	Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ giảm 193,4 tỷ đồng tương đương 16,4%.
Nợ dài hạn	66.487	30,4%	Nợ dài hạn tăng 15,4 tỷ đồng, tương đương tăng 30,4%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.765.522	-7,7%	
Vốn chủ sở hữu	2.765.522	-7,7%	Vốn chủ sở hữu giảm 229,2 tỷ đồng, tương đương giảm 7,7%, chủ yếu là do phân phối lợi nhuận sau thuế theo quyết định của ĐHCĐ và chênh lệch đánh giá lại tài sản.
Vốn góp của chủ sở hữu	2.370.000	0,0%	
Vốn khác của chủ sở hữu	57.739	0,0%	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-433.100	-17,2%	Điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản giảm 89,9 tỷ đồng, do công ty liên kết SSV chia cổ tức. Tổng công ty hạch toán giảm vốn đầu tư
Quỹ đầu tư phát triển	333.038	36,7%	Quỹ Đầu tư phát triển tăng 89,3 tỷ đồng, tương đương tăng 36,7%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	270.175	-60,1%	Lợi nhuận sau thuế giảm 406,2 tỷ đồng, tương đương 60,1% chủ yếu là do phân phối lợi nhuận, trả cổ tức
TỔNG NGUỒN VỐN	5.778.024	-1,4%	

4.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập về kết quả kinh doanh năm 2022 và có một số đánh giá, nhận xét và lưu ý như sau:

Với những khó khăn chung của nền kinh tế và đặc biệt là sự sụt giảm của Thị trường chứng khoán Việt Nam, giá cổ phiếu của một số doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty giảm sâu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty. **Chúng**

tôi đánh giá đây là yếu tố khách quan và Tổng công ty không kiểm soát được. Tổng doanh thu tổng hợp năm 2022 đạt 175,149 tỷ đồng, bằng 124,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế năm 2022 chỉ đạt 27,58 tỷ đồng, bằng 36,8% kế hoạch năm.

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 5.671 tỷ đồng, bằng 99,7% kế hoạch và tăng 13,7% so với năm trước, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế hợp nhất chỉ đạt 131,904 tỷ đồng, bằng 82,9% kế hoạch và giảm 43,7% so với năm trước, chủ yếu là do ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường chứng khoán dẫn đến việc Tổng công ty phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính tăng cao.

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 2022	So với NT %	Đánh giá, nhận xét
Doanh thu thuần	5.540.585	13,7%	Doanh thu thuần tăng 667 tỷ đồng, tương đương 13,7% so với năm 2021.
Giá vốn hàng bán	4.996.581	12,7%	Giá vốn hàng bán tăng 12,7%. Tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng doanh thu thuần là phù hợp.
Lợi nhuận gộp	544.003	23,7%	Lợi nhuận gộp tăng 23,7% so với năm 2021. Và tỷ lệ lợi nhuận gộp/Doanh thu cũng tăng từ 9,0% năm 2021 lên 9,8% năm 2022.
Doanh thu hoạt động tài chính	130.153	14,0%	Doanh thu hoạt động tài chính tăng 14,0% so với năm 2021.
Chi phí tài chính	202.369	484,5%	Chi phí tài chính hợp nhất năm 2022 là 202,4 tỷ đồng, tăng 167,7 tỷ đồng, tương đương tăng 484,5% so với năm 2021. Chi phí tài chính tăng cao chủ yếu là do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 92,7 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá 39,9 tỷ đồng và chi phí lãi vay tăng.
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	63.969	7,6%	Chi phí lãi vay phát sinh năm 2022 là 63,9 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm trước.
Phần lãi trong công ty liên kết	82.304	-9,1%	Phần lãi trong công ty liên kết giảm 9,1% do hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty giảm sút.

CHỈ TIÊU	Số kiểm toán 2022	So với NT %	Đánh giá, nhận xét
Chi phí bán hàng	286.645	12,2%	Chi phí bán hàng tăng 12,2% so với năm 2021. Tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng doanh thu là phù hợp.
Chi phí quản lý doanh nghiệp	135.696	13,3%	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13,3% so với năm 2021. Chúng tôi lưu ý Tổng công ty và các công ty con cần chú trọng việc tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	131.751	-43,8%	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 102,6 tỷ đồng, tương đương 43,8% chủ yếu do chi phí trích lập dự phòng tăng cao.
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.904	-43,7%	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 102,5 tỷ đồng so với năm trước.
Lợi nhuận sau thuế	110.373	-49,2%	

4.3. Các chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (số cuối năm)	%	65,2%	64,6%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34,8%	35,7%
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,1%	48,9%
Nguồn Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,9%	51,1%
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,86	0,95
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,0%	4,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	3,8%	7,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,9%	3,6%
5. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,4	3,6

+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn có xu hướng tăng lên, chủ yếu là do việc các công ty con có Vốn điều lệ thấp trong khi vẫn phải tăng quy mô đầu tư và kinh doanh. Tuy nhiên cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn tương đối hợp lý và cũng không có biến động lớn trong năm.

+ Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành năm 2022 giảm so với năm 2021. Trong đó, chỉ tiêu thanh toán hiện hành bằng 1,28 lần lớn hơn 1 cho thấy Tổng công ty có khả năng đảm bảo thanh toán được các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

+ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2022 đều giảm so với năm 2021, chủ yếu là do việc tăng trích lập dự phòng các khoản đầu tư dẫn đến lợi nhuận giảm.

+ Vòng quay hàng tồn kho tăng, cho thấy việc bán hàng trong năm 2022 đã được cải thiện, đẩy nhanh tốc độ bán hàng, giảm rủi ro hàng hóa ứ đọng.

5. Về kiểm soát hoạt động đầu tư, mua sắm của Tổng công ty

- Các hoạt động đầu tư góp vốn, mở rộng hợp tác vào các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ngành được đều được Tổng công ty phân tích, đánh giá kỹ lưỡng, xây dựng phương án và trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương trước khi thực hiện. Nhìn chung các hoạt động đầu tư trong năm 2022 đều có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn.

- Việc thực hiện các dự án đầu tư và mua sắm tài sản cố định tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định hiện hành về trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, về thẩm quyền quyết định đầu tư, về đấu thầu, đấu giá,...

6. Đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty

- Lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty là hoạt động đầu tư vốn và quản lý vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác (công ty con và các công ty liên kết) thông qua Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác. Các hoạt động kinh doanh trực tiếp chủ yếu thực hiện tại các Công ty con và các đơn vị liên kết. Bộ máy tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, các phòng ban chức năng, bộ phận pháp chế theo quy định.

- Về cơ bản các hệ thống kiểm soát nội bộ hiện tại của Tổng công ty đáp ứng được yêu cầu. Các chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đều được triển khai thực hiện và giám sát thực hiện đầy đủ trước, trong, sau và có hiệu lực, hiệu quả.

7. Về bảo toàn và phát triển vốn

- Trong năm 2022 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP đã thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận và chế độ quản lý tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.

- Tổng công ty cũng đã trích lập đầy đủ, kịp thời các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính, giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi,... và mua bảo hiểm cho tài sản, hàng hóa theo quy định.

Năm 2022 Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính là 92,7 tỷ đồng (riêng Công ty mẹ trích lập 91,7 tỷ đồng), do diễn biến tiêu cực của Thị trường Chứng khoán giá cổ phiếu của một số doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty giảm sâu. Đây là yếu tố khách quan và Tổng công ty không kiểm soát được. Việc trích lập dự phòng tăng cao làm cho lợi nhuận của Tổng công ty giảm tương ứng.

- Kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2022 của Tổng công ty lãi 27,58 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022 lãi 131,904 tỷ đồng sau khi trích lập dự phòng theo quy định. Như vậy Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn Nhà nước và vốn của các cổ đông. Nếu loại trừ ảnh hưởng của riêng việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính là 92,7 tỷ đồng thì lợi nhuận tổng hợp năm 2022 của Tổng công ty đạt 119,3 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất đạt 224,6 tỷ đồng.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nhìn chung các hoạt động của Tổng công ty trong năm 2022 tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty, thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kinh doanh tổng hợp và hợp nhất năm 2022 đều có lãi, như vậy Tổng công ty bảo toàn, phát triển được vốn Nhà nước và vốn của các cổ đông, tuy nhiên hiệu quả kinh doanh chưa cao chủ yếu là do những nguyên nhân khách quan, không kiểm soát được.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc một số nội dung sau:

- Chỉ đạo Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha khẩn trương xây dựng Phương án sắp xếp lại, thoái vốn, hoặc giải thể Codupha Lào khi hết thời hạn hoạt động để trình cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận và thực hiện các bước công việc tiếp theo đảm bảo đúng quy định của pháp luật và nâng cao tỷ lệ thu hồi tài sản đã đầu tư của Công ty.

- Xem xét quyết định phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại đơn vị trực thuộc kinh doanh không hiệu quả là Trung tâm Dược mỹ phẩm. HĐQT, Ban TGD Tổng công ty đã nhiều lần làm việc và yêu cầu Lãnh đạo Trung tâm Dược mỹ phẩm xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại như kinh doanh không hiệu quả, công nợ tồn đọng lâu ngày

chưa thu hồi được, sản phẩm ứ đọng chậm luân chuyển, kém mất phẩm chất, năng suất lao động thấp,... yêu cầu đẩy mạnh công tác bán hàng, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi theo quy định, có giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả kinh doanh và chấm dứt lỗ. Năm 2022 Trung tâm Dược mỹ phẩm đã cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, đóng một số quầy bán lẻ thuốc kinh doanh không hiệu quả hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, hoàn thiện quy chế khoán, cơ cấu lại sản phẩm, hàng hóa, tìm kiếm nguồn hàng, đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng có biên lợi nhuận cao, giảm nhân sự gián tiếp và nhân sự không hoàn thành nhiệm vụ,... Kết quả kinh doanh năm 2022 Trung tâm khả quan hơn các năm trước với số lỗ là 736 triệu đồng, giảm 54,3% so với số lỗ của năm 2021; lỗ lũy kế đến 31/12/2022 là 11,08 tỷ đồng. Ban Lãnh đạo Trung tâm cam kết đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tăng cường tìm kiếm nguồn hàng, đặc biệt là tìm kiếm các sản phẩm của các công ty có vốn góp của Tổng công ty, tăng cường công tác quản lý để đảm bảo trong năm 2023 kinh doanh có lãi và từng bước bù lỗ những năm trước. Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT, Ban TGD có biện pháp cương quyết để tái cơ cấu Trung tâm, tăng cường công tác quản lý và có giải pháp hỗ trợ để Trung tâm hoạt động hiệu quả theo kế hoạch của Ban Lãnh đạo Trung tâm.

- Xem xét cho ý kiến và có các giải pháp hỗ trợ tích cực đối với các công ty liên kết, các công ty có vốn góp của Tổng công ty hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả để nâng cao hiệu quả kinh doanh chung của Tổng công ty.

- Xây dựng lại Đề án xây dựng Hệ thống phân phối của Tổng công ty theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Y tế và thực hiện các kiến nghị của các đơn vị tư vấn nhằm cải thiện cơ cấu vận hành hiện tại của Hệ thống phân phối của các công ty con, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty và hiệu quả kinh doanh tổng hợp của Tổng công ty.

- Tổng công ty và các công ty con cần có biện pháp thu hồi dứt điểm khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tổng công ty và các công ty con cần có các biện pháp đẩy mạnh công tác sản xuất đảm bảo chất lượng, hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, đẩy mạnh công tác bán hàng, giảm rủi ro hàng chậm luân chuyển, giảm chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ, Quy chế hoặc đột xuất nếu cần thiết.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ và thực hiện đúng các quy trình, quy chế của Tổng công ty.

- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.

- Kiểm soát hoạt động và kiểm tra các Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo đúng các quy định và chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo BCTC phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Trân trọng cảm ơn Đại hội !

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Khải

TỜ TRÌNH

V/v dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật và nhu cầu điều hành công việc của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án sửa đổi một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Quý cổ đông vui lòng xem các nội dung sửa đổi chi tiết Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty trong các tài liệu kèm theo.

Tài liệu kèm theo:

1. Dự thảo Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;



4. *Phụ lục: Tóm lược các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.*

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT, Thư ký TCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sơn



TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP
12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP

Hà Nội, tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Thay đổi các quyền

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp Ban Kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Tổng công ty

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Giải thể

Điều 55. Thanh lý

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Tổng công ty

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Tổng công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP tổ chức vào ngày 30 tháng 6 năm 2023;

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là số cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - đ. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - g. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1. “Chi nhánh” là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.

m. “Văn phòng đại diện” là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Tổng công ty.

n. “Công ty con” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Tổng công ty sở hữu trên năm mươi (50)% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

o. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
- CTCP**

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: **VIETNAM PHARMACEUTICAL
CORPORATION- JOINT STOCK COMPANY**

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM**

- Tên công ty viết tắt: **VINAPHARM**

- Biểu trưng (logo):



2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, Phố Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: +8424 3 8443151

- Fax: +8424 3 8443665
- E-mail: vinapharm@vinapharm.com.vn
- Website: http://www.vinapharm.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Chức danh: Tổng giám đốc

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm:

3.1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;

3.2. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

3.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	<i>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);</i>	4649 (Chính)
2.	<i>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh</i>	2023

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>(trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);</i>	
3.	<i>Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc;</i>	2100
4.	<i>Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm; Chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;</i>	1079
5.	<i>Sản xuất giấy nhấn, bì nhấn, bao bì từ giấy và bì</i>	1702
6.	<i>In ấn</i>	1811
7.	<i>Dịch vụ liên quan đến in</i>	1812
8.	<i>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);</i>	4669
9.	<i>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Các loại hình cơ sở bán lẻ thuốc;</i>	4772
10.	<i>Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i>	3250
11.	<i>Bán buôn thực phẩm chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng;</i>	4632
12.	<i>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;</i>	4659
13.	<i>Vận tải hành khách đường bộ khác chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô</i>	4932
14.	<i>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;</i>	4933
15.	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng</i>	8299
16.	<i>Giáo dục nghề nghiệp</i>	8532
17.	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở</i>	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh bất động sản;</i>	
18.	<i>Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)</i>	7310
19.	<i>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;</i>	7490
20.	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Dịch vụ nghiên cứu tương đương sinh học; dịch vụ thử nghiệm lâm sàng và tiền lâm sàng;</i>	7210
21.	<i>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa</i>	8620
22.	<i>Vận tải hàng hoá bằng đường bộ</i>	4933
23.	<i>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</i>	5210
24.	<i>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</i>	8560
25.	<i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i>	8230
26.	<i>Bán buôn tổng hợp</i>	4690

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu liên quan đến dược phẩm, thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động liên quan đến bất động sản nhằm: (i) Tối đa hóa lợi nhuận của Tổng công ty cho các Cổ đông; (ii) Nâng cao giá trị Tổng công ty; (iii) Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác; (iv) Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; (v) Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo các quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 2.370.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm bảy mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 237.000.000 (Hai trăm ba mươi bảy triệu) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần phổ thông.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần của Tổng công ty được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập: Tổng công ty không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là [03] ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền đại diện quản lý phần vốn của tổ chức tại Tổng công ty. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.

Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- đ) Trường hợp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính quý hoặc năm bị mất từ 20% trở lên so với đầu kỳ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi các quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có

đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch/nhiệm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo

mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp từ chối kiến nghị, chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối kiến nghị.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Người triệu tập hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

c) Có người cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

2. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Khoản 3 Điều này, Khoản 3, 4 và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thủ tục thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ

sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên

quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);

f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

g. Các thông tin khác (nếu có).

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý

khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 138, khoản 1 và khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Người điều hành khác; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý, Người điều hành đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; Yêu cầu phá sản Tổng công ty;

n. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;

t. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;

u. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;

ư. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở

lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong cuộc họp thường niên.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Các đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Kiến nghị số lượng và Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
 - l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty có ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc có chuyên ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất;

c. Phân công thực hiện và đôn đốc các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ;

d. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

e. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ quy định.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được ĐHĐCĐ phê duyệt và giao;

Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin và thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho ĐHĐCĐ, HĐQT về các doanh nghiệp mà Tổng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối. Chủ động báo cáo và khuyến nghị kịp thời tới ĐHĐCĐ, HĐQT về những hoạt động bất thường, trái với pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

3. Giám sát tính hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hợp pháp, tính hệ thống, nhất quán và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

4. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính Tổng công ty; Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT và HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty;

5. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Tổng công ty;

6. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

8. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

9. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

11. Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Tổng công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

12. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát: Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Tổng công ty; Chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ của mình được phân công trước pháp luật; Chịu trách nhiệm về kết quả công việc được Trưởng ban Kiểm soát phân công; Đồng thời cùng với các thành viên Ban kiểm soát khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Ban Kiểm soát; Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty; Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát chỉ được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan

trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Giao dịch với người có liên quan

7.1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty.

7.2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

7.3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

7.4. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.5. Tổng công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con,

tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng/giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty,

danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng

khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp, chính xác của các số liệu và các thông tin nêu tại báo cáo tài chính.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Lưu giữ: Tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc theo quyết định của Người đại diện theo pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ

Điều 54. Giải thể

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhất trí thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

TỔNG GIÁM ĐỐC

DỰ THẢO**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 30/6/2023,
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30/6/2023,
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1: Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (“**Quy chế**”) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm mục đích:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;
 - Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Người quản lý khác của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
 - Đảm bảo Tổng công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

2.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

2.3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc;

2.4. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. “Tổng công ty”: Là Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

b. “Điều lệ”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty thông qua tùy từng thời điểm.

c. “Cổ đông”: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

d. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: Là Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty.

đ. “Người có liên quan”: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. "Người quản lý Tổng công ty": Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

g. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

i. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ và Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Hội đồng Quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình Đại hội trong thời hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

b. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình Đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d. Chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

e. Thông báo và gửi thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch/niêm yết. Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 6. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ lập văn bản kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 1 Điều này;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Tổng công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản này phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hay số phiếu không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.

4. Những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường

hợp thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và thủ tục thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;

f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

3. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- đ. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- e. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- f. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- g. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của

Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 13. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty theo các quy định hiện hành.

2. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và tùy thuộc tình hình và điều kiện thực tế của Tổng công ty.

Điều 15. Bỏ phiếu điện tử

1. Việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông được thực hiện tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Chi tiết quy định về việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Quy chế này.

Điều 16. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp;

- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

- Kết quả giám sát đối với các Người điều hành khác;

- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 17. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người điều hành khác;

- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 18. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3.3. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

3.4. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 21. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty (nếu có);
- f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị bằng văn bản một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có);

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 26. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 27. Biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một (01) phiếu biểu quyết; Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kê trong hợp đồng đó.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Biên bản và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 29. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Tổng công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 30. Công bố thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 32. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Nhiệm kỳ của tiểu ban theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Tiêu chuẩn thành viên tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn cụ thể của thành viên tiểu ban được quy định chi tiết tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban đó, tuy nhiên cơ bản phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có bằng đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực của tiểu ban phụ trách;

b. Có bằng cấp, chứng chỉ trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật.

c. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Hội đồng quản trị

2. Trưởng tiểu ban ngoài các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của Tiểu ban

1. Nguyên tắc hoạt động

a. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

b. Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

c. Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Tổng công ty

2. Trách nhiệm của Tiểu ban

a. Tham mưu, tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Tổng công ty.

b. Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối hợp với các tiểu ban, Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Tổng công ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

d. Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Người điều hành, các Phòng/Trung tâm của Tổng công ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.

e. Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

f. Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.

Điều 35. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b) ;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm trở lên.

e) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.

3. Người điều hành khác:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Tổng công ty;

b) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 37. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác làm Tổng giám đốc trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Quy chế này.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- Tổng giám đốc có quyền giới thiệu để Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng viên được trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

Điều 38. Nhiệm kỳ của các chức danh Người điều hành Tổng công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Tổng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 39. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Tổng công ty.

1. Khi Người điều hành kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của Người điều hành đó.

Điều 40. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành Tổng công ty

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho Người điều hành nêu tại khoản 1 Điều 35 Quy chế này. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với các Người điều hành khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội khác theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội

đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành được thực hiện trong nội bộ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 43. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 45. Ứng cử, đề cử và bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn

phiếu thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản.

Việc cung cấp thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty.

Điều 49. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Tổng giám đốc với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, không bao gồm những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có thể phân cấp/ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc quyết định, ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật.

3. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

4. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

6. Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả của từng kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 51. Mọi quan hệ trong thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Hội đồng quản trị có thể mời thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự cuộc

họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 52. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền và phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị khi được yêu cầu. Tổng giám đốc không được ủy quyền lại nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 53. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

CHƯƠNG VII
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG
VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 54. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, các Người điều hành khác; Ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.

2. Nguyên tắc đánh giá: Khách quan, trung thực, công bằng. Bằng chứng của kết quả đánh giá phải được gửi đến thành viên liên quan.

3. Kết quả đánh giá phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá kế tiếp.

4. Tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lần tham dự các kỳ họp định kỳ và bất thường;
- Mức độ hoàn thành công việc theo phân công;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

5. Tiêu chí đánh giá Tổng giám đốc và Người điều hành khác

- Kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Hiệu quả điều hành, quản trị;
- Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

Điều 55. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và đề xuất khen thưởng thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hình thức khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Tổng công ty và nguồn khác phù hợp quy định của pháp luật.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 56. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo và công bố thông tin

Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật và quy trình công bố thông tin của Tổng công ty.

CHƯƠNG IX

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Điều 58. Công ty mẹ - Công ty con

1. Tổng công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Tổng công ty. Các công ty con của Tổng công ty không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

3. Các công ty con của Tổng công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 59. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty đối với công ty con

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Mọi quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Tổng công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.

3. Trường hợp Tổng công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

4. Người quản lý Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

5. Trường hợp Tổng công ty không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 01% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con yêu cầu Tổng công ty đền bù thiệt hại cho công ty con.

6. Trường hợp hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của Tổng công ty thì công ty con được hưởng lợi phải liên đới cùng Tổng công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng cho công ty con bị thiệt hại.

Điều 60. Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ - Tổng công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;

c) Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.

2. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.

3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Tổng công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.

4. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của công ty con. Trong trường hợp người quản lý Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

5. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải được lưu giữ tại chi nhánh của công ty mẹ tại Việt Nam.

6. Ngoài báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty con còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và giao dịch khác với công ty mẹ.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì áp dụng quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi nội dung liên quan hoặc pháp luật điều chỉnh những nội dung chưa quy định tại Quy chế này thì áp dụng những quy định pháp luật đó.

Điều 62. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP được ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/6/2023 Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP. Các bản sao, trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của ½ số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Người điều hành khác, các Phòng/Trung tâm và người lao động Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30/6/2023,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (“**Quy chế**”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

- Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - “Tổng công ty”: Là Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
 - “Điều lệ”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty thông qua tùy từng thời điểm.
 - “Cổ đông”: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

d. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội”: Là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

đ. “Người có liên quan”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. “Cán bộ quản lý Tổng công ty”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

g. “Cán bộ điều hành Tổng công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

i. “Bỏ phiếu truyền thống” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Cán bộ điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ

tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ;

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ, quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP và các quy chế cụ thể của tiểu ban.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Cán bộ điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Việc công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công của Tổng công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP bao gồm 07 chương], 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Những nội dung chưa đề cập trong Quy chế này thì căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sơn

TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
I	ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP			
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>.....</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>.....</p>	Điều 2 Khoản 5 Điều lệ quy định: “Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn”.
2	Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi</p>	Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có</p>	<p>thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có</p>	

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		hiệu lực kê cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.	hiệu lực kê cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.	
3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật Chức danh: Chủ tịch HĐQT	1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật Chức danh: Tổng giám đốc	Phù hợp nhu cầu điều hành công việc của Tổng công ty. Khoản 2 Điều 12 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “ <i>Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.....</i> ”
4	Điều 6. Vấn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này. 7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	Khoản 5 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 quy định: “ <i>Công ty đại chúng thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu</i> ”
5	Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông 4. Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền	Bổ sung theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p><i>đại diện quản lý phần vốn của tổ chức tại Tổng công ty. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.</i></p> <p><i>Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	
6	Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>....</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>....</p> <p><i>d) Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 14.4.d Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT - BTC</p>
7	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 19. Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>.....</p> <p><i>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý</i></p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT - BTC</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<i>kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</i>	
8	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Tổng công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Tổng công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</p>	<p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Tổng công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Tổng công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Để linh động trong những trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tuyến</p>
	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội	3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được <i>số cổ đông</i>	1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được <i>số cổ đông</i>	Luật số 03/2022/QH15, Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
	<p>đồng cổ đông được thông qua</p>	<p><i>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành</i></p> <p>4. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Khoản 3 Điều này, Khoản 3, 4 và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được <i>số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp</i> tán thành</p>	<p><i>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp</i> tán thành</p> <p>2. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Khoản 3 Điều này, Khoản 3, 4 và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được <i>số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp</i> tán thành.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp quy định: 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 như sau:</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được <i>số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</i> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được <i>số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu</i></p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
				<i>quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”</i>
9	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.....</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp.....</p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Đảm bảo thời gian người đại diện vốn báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) theo quy định.</p>
10	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p><i>k. Ký các hợp đồng, giao dịch, giấy tờ... theo ủy quyền hoặc phân cấp của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</i></p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p><i>k. Ký các hợp đồng, giao dịch, giấy tờ... theo ủy quyền hoặc phân cấp của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</i></p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Điều 3 Điều lệ quy định Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p>
11	Thành phần Ban Kiểm soát	<p>Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là ba (03) người</p>	<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty <i>có ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là 05 người.</i></p>	<p>Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10</p> <p>Khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp quy định: “Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 kiểm soát viên”.</p> <p>Linh động cho Tổng công ty khi kiện toàn nhân sự.</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
12	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát 12. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Tổng công ty;	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát 12. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Tổng công ty;	Điều chỉnh số thứ tự các Điều do đã bỏ Điều 10 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT – BTC. BKS không thể chịu trách nhiệm tính chính xác, trung thực của những số liệu, hoạt động của Tổng công ty.
II QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY				
1	Điều 10. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	1. Nghị quyết về các vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cụ thể: a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Tổng công ty; b. Định hướng phát triển Tổng công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; g. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.	2. Nghị quyết về các vấn đề nêu tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cụ thể: a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Tổng công ty; b. Định hướng phát triển Tổng công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; g. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.	Để linh động trong những trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Phù hợp với thay đổi tại Điều lệ.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.....</p>	<p>1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp <u>và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.....</p>	<p>Luật số 03/2022/QH15, Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp quy định:</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 như sau:</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên</p>
		<p>4. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p>	<p>3. Ngoại trừ các trường hợp nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành.</p>	

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
				50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”
2	Điều 26. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị	1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.....	1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp.....	Đảm bảo thời gian người đại diện vốn báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) theo quy định.
3	Điều 28. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	<p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách</i></p>	Phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<i>nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i>	
4	Điều 29. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>ba (03) ngày</u> trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.	2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>bảy (07) ngày làm việc</u> trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.	Đảm bảo thời gian người đại diện vốn báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) theo quy định.
5	Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành	2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên; c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm trở lên đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 (ba) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng. e) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị	2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng: a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên; c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02-05 năm trở lên đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 (ba) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng. e) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.	Phù hợp với yêu cầu của Tổng công ty.
6	Điều 50. Phối hợp	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Tổng công	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng	Phù hợp với thay đổi tại Điều lệ.

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
	<p>hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</p>	<p>ty, là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chủ tịch HĐQT với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, không bao gồm những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT có thể phân cấp/ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định, ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật</p> <p>3. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch HĐQT (người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty) và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao/ủy quyền.</p>	<p>giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, không bao gồm những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc có thể phân cấp/ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc quyết định, ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật.</p> <p>3. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch HĐQT (người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty) và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao/ủy quyền.</p>	<p>Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
		<p>4. Tổng giám đốc thực hiện các công việc, ký các văn bản, giao dịch, họp đồng được người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) của Tổng công ty ủy quyền và chịu trách nhiệm về các công việc được ủy quyền. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Tổng giám đốc không được ủy quyền lại nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Tổng giám đốc thực hiện các công việc, ký các văn bản, giao dịch, họp đồng được người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) của Tổng công ty ủy quyền và chịu trách nhiệm về các công việc được ủy quyền. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Tổng giám đốc không được ủy quyền lại nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
III	QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp.....</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] bảy (07) làm việc trước ngày họp.....</p>	<p>Đảm bảo thời gian người đại diện vốn báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) theo quy định.</p>
2	Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	<p>2. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.</p>

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
			<p><i>nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i></p>	
3	Điều 24. Hiệu lực thi hành		<p><u>Bổ sung:</u></p> <p><i>Những nội dung chưa đề cập trong Quy chế này thì căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.</i></p>	



Số: 370 /TTr - BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,

Để đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật và nhu cầu hoạt động của Tổng công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án sửa đổi một số điều của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Quý cổ đông vui lòng xem các nội dung sửa đổi chi tiết Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty trong các tài liệu kèm theo.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

- Phụ lục: Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua.

Trân trọng ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Khái

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ:

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 30/6/2023.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Quy chế”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. “Tổng công ty”: là Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
- b. “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty thông qua tùy từng thời điểm.
- c. “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
- d. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty.
- đ. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- f. "Cán bộ quản lý Tổng công ty": là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- g. “Cán bộ điều hành Tổng công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- h. “Ban Kiểm soát” là Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
- i. “Kiểm soát viên” là thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.
- k. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

1. "Bỏ phiếu truyền thông" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

4. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2,3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 thành viên và nhiều nhất là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là Cán bộ điều hành Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty; Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 38 Điều lệ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều 6 Quy chế này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác

quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức

kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát; Xây dựng nội dung, chương trình họp Ban Kiểm soát; Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; Phân công thực hiện và đôn đốc các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ quy định.

26. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát: Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Tổng công ty; Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty; Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

4. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Tổng công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản

họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Mối quan hệ với cổ đông

Ban Kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của Cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Tổng công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật doanh nghiệp và có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

Điều 24. Mối quan hệ với các bộ phận quản lý, điều hành và các đơn vị khác

Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

Các đơn vị của Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP bao gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Những nội dung chưa đề cập tại Quy chế này thì căn cứ vào Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Khải

**TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CTCP**

TT	ĐIỀU KHOẢN	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG	LÝ DO
1	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	Ban Kiểm soát làm việc theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần kiểm tra, giám sát đột xuất/ngoài chương trình, kế hoạch hoặc trường hợp cần làm rõ những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Ban Kiểm soát chủ động thông báo với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi thực hiện, báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả làm việc. Trường hợp phát hiện những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Kiểm soát viên ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời báo cáo ĐHĐCĐ và thông báo HĐQT để có biện pháp xử lý.	Ban Kiểm soát làm việc theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần kiểm tra, giám sát đột xuất/ngoài chương trình, kế hoạch hoặc trường hợp cần làm rõ những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Ban Kiểm soát chủ động thông báo với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi thực hiện, báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả làm việc. Trường hợp phát hiện những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Kiểm soát viên ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời báo cáo ĐHĐCĐ và thông báo HĐQT để có biện pháp xử lý.	Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và Quy chế mẫu về hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT - BTC
2	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	1. Ban kiểm soát có 03 thành viên	1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 thành viên và nhều nhất là 05 thành viên.....	Khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp quy định: “Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 kiểm soát viên”. Linh động cho Tổng công ty khi kiện toàn nhân sự.
3	Điều 25. Hiệu lực thi hành		<u>Bổ sung:</u> Những nội dung chưa đề cập tại Quy chế này thì căn cứ vào Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện	

			<p><i>hành. Trường hợp quy định tại Quy chế này khác với quy định tại Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.</i></p>	
--	--	--	---	--

Số: 371/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát
Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 26/6/2023 của Ông Lê Văn Sơn,

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/6/2023 của Ông Trần Văn Hải,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Lê Văn Sơn kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/6/2023.

Lý do: Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 26/6/2023 của Ông Lê Văn Sơn.

2. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Trần Văn Hải kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/6/2023 biểu quyết thông qua.

Lý do: Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/6/2023 của Ông Trần Văn Hải.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sơn

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 372/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP năm 2022 đã kiểm toán,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 (báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất) của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Các Báo cáo tài chính (tổng hợp và hợp nhất) đã kiểm toán năm 2022 của Tổng công ty đã được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Phòng TCKT;
- Lưu VT, KHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Sơn

TỜ TRÌNHVề việc phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP;

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Căn cứ
1	Lợi nhuận sau thuế tổng hợp năm 2022	27.579.662.892	
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	665.867.970	
3	Lũy kế LNST được phân phối	28.245.530.862	
4	Phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:		
4.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty. Trong đó:	2.896.054.950	Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
4.1.1	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>1.712.500.965</i>	
4.1.2	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>733.928.985</i>	
4.1.3	<i>Quỹ khen thưởng của người quản lý công ty</i>	<i>449.625.000</i>	
4.2	Quỹ Đầu tư phát triển năm 2022 (=[1]*30%)	8.273.898.868	Nghị định 140/2020/NĐ – CP ngày 30/11/2020
4.3	Chia cổ tức	0	
5	Lợi nhuận để lại chuyển năm sau	17.075.577.044	

- Phần còn lại của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2022 sau khi trích lập các quỹ sẽ được để lại dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định danh sách chia thưởng cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Ban Tổng Giám đốc quyết định danh sách chia thưởng cụ thể của Ban điều hành và cán bộ nhân viên;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- TCHC, TCKT ;
- Lưu VT, KHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Sơn

Số: 374/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH**V/v báo cáo Thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và thông qua Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP thông qua ngày 26/4/2022;

Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua như sau:

Quý thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2022: 408.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng),

Chi tiết thù lao cho từng chức danh như sau:

STT	Tên thành viên	Chức danh	Số tiền (VNĐ)
I.	Hội đồng quản trị		
1	Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	240.000.000
2	Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT	96.000.000
II.	Ban kiểm soát		
1	Trần Văn Hải	Thành viên BKS	36.000.000
2	Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên BKS	36.000.000

II. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023:

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội,

Căn cứ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch năm 2023 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP thông qua

khung thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (không chuyên trách) năm 2023 như sau:

1. Từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 30/6/2023:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.

2. Từ thời điểm 01/7/2023 đến thời điểm 31/12/2023:

- Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát theo các quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sơn



Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát,

Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và Kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng công ty như sau:

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2023 bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

↓ Lý do lựa chọn các công ty trên:

- Đây là các hãng kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam hiện nay và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Các công ty này đã có nhiều kinh nghiệm trong kiểm toán các công ty ngành dược;
- Có thể hỗ trợ tốt hơn cho Tổng công ty trong việc cập nhật các chính sách mới về tài chính, kế toán, thuế. Hỗ trợ đào tạo kỹ năng hợp nhất báo cáo tài chính, hỗ trợ thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty và các công ty con.

2. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm; soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2023 theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp đàm phán với các công ty kiểm toán trên không thành công, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính, UBCKNN chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Khải

Số: 376/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát
Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Ông Lê Văn Sơn,

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Ông Trần Văn Hải,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 cụ thể như sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người,

Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 hiện nay còn: 04 thành viên.

Căn cứ nhu cầu quản lý, điều hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

- Số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 06 người.

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 02 người.



2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP, số lượng thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người,

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát hiện nay của Tổng công ty là 02 người,

Căn cứ nhu cầu kiểm soát của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 04 người.

- Số lượng bầu bổ sung thành viên ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 02 người.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT ;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Sơn

